

NĂM THỨ 2

Số 22

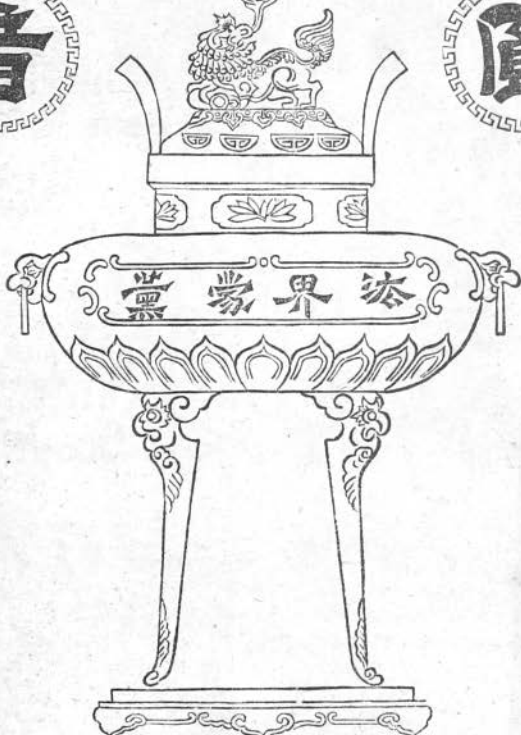
Tháng Juillet

và Août 1926

VIENAM

音

圓



法界蒙黨
珠學會月刊

Nguyệt-Sau Phật-Học

Nam mô bốn-sur
Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh
PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI ĐẠO-SƯ

Tùy-Ba tự Trụ Trì: Giác-nhiên Duyệt-y

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế: Lê-dình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

- Thế nào là hoàn-toàn ? (VIÊN-ẨM) 3

II. — DIỄN-ĐÀN

- Nho-giáo và Phật-giáo (LÊ-MAI-ĐÌNH) 5

III. — NGHIÊN-CỨU

- Tứ chánh-cần (CHÂU-HẢI) 15

- Nghiên-cứu về Thắng-Luận (CHÂU-HẢI) 23

IV. — LUẬN-VẤN

- Vô-sanh (VIÊN-ẨM) 30

V. — KINH HỌC

- Đại-ý Kinh Thủ Lăng-Nghiêm (tiếp theo) 36

- Kinh Thủ Lăng-Nghiêm (tiếp theo) 38

VI. — LUẬN HỌC

- Bát thức qui cũ tụng (tiếp theo) (V. A.) 48

VII. — THI-LÂM 59



A.K.F.

QUYỀN ĐÀU NGŨ

Thế nào là hoàn toàn ?

Trong các tôn-giáo, đầu tôn-giáo nào cũng có ngưỡng-mộ những đấng chi-tôn mà họ gọi là Dieu. Dieu gốc ở tiếng Hy-Lạp, nghĩa là hoàn toàn (Parfait).

Vậy thế nào mới thiết là hoàn toàn, mới đáng gọi là Dieu, đều ấy cũng nên nghiên-cứu.

Lấy tâm-trí của người là tâm-trí không hoàn toàn mà định đủ tư-cách một đấng hoàn toàn thì khó lắm, song chúng ta có thể chỉ một ít tư-cách làm một khuôn khổ rộng rãi của sự hoàn toàn; nghĩa là tuy những bậc trong khuôn khổ ấy vị tất đã hoàn toàn, nhưng những kẻ ra ngoài khuôn khổ ấy thì quyết định không thể gọi là hoàn toàn được.

Nay chúng tôi xin lược kê một ít tư-cách như sau này :

1.) Không kiêu-mạng.

Thói kiêu-mạng là cái thói đặt mình trên cả mọi người, tự tôn tự đại. Thói ấy chính giữa đời cũng đã cho là một thói xấu, vậy một bậc hoàn toàn quyết định không thể có lòng kiêu-mạng.

2.) Không tham-dục.

Tham danh, tham lợi là một thói xấu ở thế-gian. Những người ưa sự đua nịnh tôn hót, những người muốn cho họ sợ oai sợ thế là những người không được tốt; vậy một bậc hoàn toàn quyết định không thể có lòng tham-dục.

3.) Không hờn giận.

Làm người gặp nghịch cảnh thì bức tức, gặp ai trái ý thì hờn giận, đã bức tức hờn giận lại sanh ra những sự trả oán báo thù, phá hại người này, hành hạ kẻ khác, có khi

giận lây đến những kẻ vô tội. Những người như vậy ai cũng cho là đũa tiêu-nhơn, vậy một bức hoàn toàn quyết định không thể có lòng hờn giận.

4.) Không vị-ngã.

Người vị-ngã trong thế-gian thường gọi là người ích-kỷ, chỉ muốn thỏa lòng dục-vọng của mình, không kể đến những sự đau đớn khổ sở của kẻ khác. Lại người vị-ngã đều gì cũng muốn phần hơn về mình, thấy ai phạm đến quyền lợi của mình, thấy ai muốn báng mình thì đã nổi giận mà ra tay tàn sát. Những thói như vậy là những thói độc ác, vậy một đấng hoàn toàn không thể có lòng vị-ngã.

Trong thế-gian, những người không có bốn tư-cách như trên thì đầu sức mạnh tài cao, học rộng biết nhiều đi nữa, họ cũng không chịu liệt vào hạng người tử tế, hạng người nhơn-dức, hạng người quân-tử.

Vậy một bức đã gọi là hoàn toàn, ít nữa cũng phải có những tư-cách như trên, ngoài những tư-cách ấy ra thì chỉ có thể gọi là người có tài, là người có phép, là người ưa nịnh, là người đáng sợ, chứ không thể gọi là bức hoàn toàn được.

VIÊN-ÂM





DIỄN-ĐÀN

*Bài giảng hôm rằm tháng 6 (1er Août 1936)
tại Phật Học Hội (chùa Từ-Quang) Huế*

NHO-GIAO VÀ PHẬT-GIÁO

Thưa các ngài,

Một người muốn ra diễn giảng Phật-pháp giữa công chúng, ít nữa cũng phải học cho rộng, biết cho nhiều, giọng nói cho hùng-hồn, lời lẽ cho hoạt-bát thì mới có ảnh-hưởng; nếu thỉnh thoảng lại pha một đôi câu thí-dụ có lý-thú làm cho thỉnh-giả vui cười để ý thì lại càng được công-chúng hoan-nghinh hơn nữa. Còn như kinh tạng chưa hiểu, biện bác chưa quen mà không tự lượng, dám ra đứng giữa diễn-đàn thì thiệt là làm hư phí cái thì giờ quý báu của các ngài thỉnh-giả trong lúc đến nghe giảng. Vì vậy nên bây nay tôi vẫn ngần ngại, dẫu tôi rất sẵn lòng chung lo công việc hoằng-pháp của hội! Nhưng tôi thiết nghĩ: các ngài lấy lòng vì đạo mà đến đây cốt để nghe rõ đạo-lý chứ không phải cốt đi nghe cho vui, cho hay như đi xem tuồng, xem thuật, nên tôi cũng bạo dạn lên đây mà bày tỏ ý-kiến. Và lại, chúng ta đã là tín-đồ Phật-tử thì đương lúc tuyên-dương Phật-giáo này, chúng ta phải thiết-hành cái chí-nguyện tự giác giác tha, biết được điều gì thì cứ nói điều ấy, may ra cũng bổ-ích một vài phần cho những người mới nhập đạo

Vậy tôi lên đây là để nói chuyện với các ngài cũng như đem một tờ báo mà đọc cho các ngài nghe, chớ không phải thiết là diên-thuyết ; dù có chỗ nào sai lầm, tôi cũng xin các ngài lấy lượng từ-bi mà đại-xá.

Hôm nay tôi xin đem Nho-học và Phật-học so sánh với nhau và xin nói vì sao mà chúng ta phải chấn-hưng Phật-học.

Nước ta về đời nội-thuộc bên Tàu, có ông Sĩ-Nhiếp đem chữ Nho sang dạy, từ đó nước ta mới lấy Nho-học làm nền giáo-dục của quốc-dân và nhờ đó mà luân-thường bền vững, vua tôi, cha con, vợ chồng, bạn hữu đối đãi với nhau đều có lễ nghĩa, có trật-tự. Cũng đồng một thời-kỳ ấy, có ông Vi-li-ta-ru-chi đem đạo Phật sang truyền-bá, rồi từ đó về sau, đời nào cũng tôn-sùng tín-ngưỡng mà Phật-học cũng chiếm một địa-vị rất quan-trọng trên nền đạo-đức nước nhà ; lẫn lẫn Phật-học và Nho-học đều phổ-thông cả toàn quốc ; về đời nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần đều có mở khoa thi gồm cả Nho-học và Phật-học ; hai giáo-lý dung-hiệp lại mà đào-tạo những bậc vĩ-nhơn để giúp việc ngoại-giao và nội-trị cho quân-Quốc. Nhơn tài đời ấy phần nhiều là bậc cao-tăng ; như ông Ngô-Chiêu Lưu-thái-sư đời nhà Đinh, ông Viên-Chiêu thuyên-sư đời nhà Lý đều là bậc cố-vấn rất trọng yếu cho triều chánh. Phật-giáo thịnh hành hơn nhất là về đời nhà Trần ; trong sử về đời ấy có chép : « Tăng đạo mãn ư triều đờng, Phật-tự mãn ư dân-gian », nghĩa là « hàng tăng-đạo đông đầy trong triều, chùa Phật dựng khắp trong dân gian » nên chỉ đời Trần, dân cường quốc thịnh, làm cho nước ta có một hồi lịch-sử vẻ vang rực rỡ, ảnh hưởng khắp cả Á-đông. Từ đời hậu Lê, sau khi nội thuộc lẫn chút với Tàu, Nho-giáo được triều đình chuyên trọng, trong các khoa thi cử chỉ thi riêng về kinh điển đạo Nho, nên tất cả các nhà học-vấn trong nước đều xu-hướng về Nho-giáo ; Phật-học lúc ấy đã mất cái địa-vị quốc-học rồi ; tuy đối với sự tín-ngưỡng, nhà-nước vẫn có chùa công, vẫn phong các bậc Quốc-sư, nhưng về phần giáo-lý thì trừ những người muốn nghiên-cứu riêng về mặt đạo-đức, các nhà khoa-cử trong dân-gian không còn mấy ai chịu tham-học như trước. Vài mươi năm nay, Nho-học cũng chịu chung một

Sở phận như Phật-học, và các kinh điển đạo Nho cũng đã bị các nhà khoa cử đưa lên rằm-thượng, không mấy ai để ý đến nữa. Tuy vậy cái nền đạo đức của quốc-dân ta, do hơn nghìn năm Nho-học và Phật-học dựng nên, vẫn đứng vững giữa cái phong-trào tân-học ngày nay, vì cái cốt giống đạo-đức luân-lý của hai giáo-lý kia đã gieo sâu trong dân-tâm phong-tục xứ ta vậy.

Nho-học với Phật-học trong xứ ta, quan-hệ với nhau rất là mật thiết, có Nho-học là có Phật-học, có Phật-học là có Nho-học, vậy về công việc chấn hưng Phật-học ngày nay, các phả có nhiệt-tâm với Nho-học cần phải cực lực tán thành đặng nương theo đó mà bảo tồn cái tôn-chỉ của Nho-học.

Tôi nói như vậy là vì đạo nho và đạo Phật đều là chánh-đạo, cốt nơi sửa trị tâm-tánh, nên đầu phương pháp tu trì có khác, giáo-lý rộng hẹp có khác mà hai bên cũng đồng đi một đường, đồng một chí-hướng, không có đều gì trái nhau cả.

Như về sự, thời Nho giáo dạy phải giữ ngũ-thương, Phật-giáo dạy phải trì ngũ-giới, tuy in tuồng có khác, song bất sát-sanh tức là nhơn, bất thâu-đạo tức là nghĩa, bất tà-dâm tức là lễ, bất ẩm-tửu tức là trí, bất vọng-ngữ tức là tín, thiệt ra cũng đồng một đạo. Như trong đạo Phật thì dạy phải báo tứ ân; trong đạo Nho thì dạy phải « vi thần chỉ ư trung, vi tử chỉ ư hiếu », cho đến « đệ tử phục lao, dân báo vật dữ » là cũng dạy về lối báo đáp tứ ân, chớ không chi khác. Còn như trong sách Nho có câu : « Kỷ dục lập nhi lập nhơn, kỷ dục đạt nhi đạt nhơn », thì lý nghĩa cũng như những câu « tự giác giác tha » trong đạo Phật.

Cả đạo Nho và đạo Phật đều chú trọng về sự tu hành, như trong đạo Nho thì có câu : « Nhứt thị giai dĩ tu thân vi bản » trong kinh Phật thì có câu : « Bất như nhứt nhựt tu vô lậu nghiệp », đạo nào cũng chú trọng về việc thiết hạnh đạo đức chớ không phải chỉ ở nơi lời nói suông như phần nhiều các triết học. Lại đạo nho với đạo Phật đều dạy người phải tự lập không nên ỷ lại nơi khác, như trong đạo Nho thì có câu : « Quĩ thân kính nhi viễn chi » trong đạo Phật thì có câu : « Tương vân tri Phật Phật, hà bất tự vân vân » đều là dạy phải tự lập, chớ không nên ỷ lại.

Đó là nói một ít phần về sự tương, còn về lý thuyết đạo Phật và đạo Nho cũng có nhiều chỗ giống nhau nữa; như trong đạo Nho thì nói « đoán chấp khuyết trung », trong đạo Phật thì nói « bất ly trung đạo ». Khuyết-trung là chi ? Là cái đạo trung dung vậy. Trung là bất thiên, không thiên một bên nào; dung là bất dịch, không thay không đổi. Còn trung-đạo là chi ? Trung-luận có câu kệ : « Nhon duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệt danh thị giả danh, diệt danh trung đạo nghĩa », nghĩa là các pháp do nhon duyên sanh tức là không, tức là giả danh, cũng tức là trung-đạo. Trung-đạo nghĩa là phi-không phi-giả, tức không tức giả, ly tất cả các thiên kiến. Nghĩa ấy cũng như nghĩa chữ trung của đạo Nho-Lại trong kinh Phật có dạy : « Thị pháp trụ pháp vị, thể-gian tướng thường trụ » Thường-trụ nghĩa là không thay đổi; không thay đổi thì cũng như nghĩa chữ Dung của đạo Nho vậy. Lại trong đạo Phật thì dạy phải mình tâm tánh, đạo Nho thì dạy phải mình mình-đức, mình mình đức là mình cái đức diệu mình của tự-tâm, vậy đạo Nho và đạo Phật tuy lời nói có khác mà tôn-chỉ thiệt không khác nhau. Lại đạo Nho thì dạy « Nhon nhon khả dĩ vi Nghiêu Thuấn », đạo Phật thì dạy « Như thể chúng sanh cụ hữu Như-lai trí huệ đức tướng »; Đạo Nho xem vua Nghiêu vua Thuấn là bậc đại thánh mà cũng cho rằng ai ai đều có thể làm được như vua Nghiêu vua Thuấn; đạo Phật thì xem các đức Như lai là bậc chí-lớn mà cũng cho rằng tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Thế thì biết hai giáo lý đều rất bình đẳng, không có các đều bất bình đẳng như các thần giáo. Chúng ta xét những chỗ đồng như kia thì biết Phật học với Nho-học cũng đồng một đạo, chỉ khác nhau ở chỗ xa gần rộng hẹp mà thôi. Vậy hiện nay, nếu các nhà Nho học đứng ra giúp đỡ công việc chấn hưng Phật học thì cũng không khác gì giúp đỡ công việc chấn hưng Nho-học.

Có người lại nghĩ rằng : nếu Phật với Nho đồng một đạo thì làm sao không chấn-hưng Nho-học mà lại phải chấn hưng Phật-học ? — Điều đó có nhiều duyên cớ, xin lược kể như sau này :

Một là vì giáo-lý đạo Nho không rõ ràng bằng giáo-lý đạo Phật. — Các vị thánh-nhon ra dạy đời đều tùy theo trí-thức hiện thời

mà dạy bảo, chúng ta cũng không nên lấy phạm-tinh mà phân biệt ai hơn ai kém. Song giáo pháp đã theo cơ-duyên mà thay đổi thì đối với những cơ-duyên còn thấp hèn tất nhiên không thể phổ bày những lý nghĩa cao siêu được. Xem như đức Phật Thích-Ca ngài cũng tùy cơ chia ra năm thừa mà dạy bảo, còn đức Không-Tử ngài cũng chia các đệ-tử ra bốn lớp là chánh-trị, văn-học, ngôn-ngữ và đạo-đức. Song các vị đệ-tử Phật, trừ ra những kẻ tại-gia, có một phần tu về phép Nhơn-thiên-thừa, còn bao nhiêu đều tu được phép tiểu-thừa và lần lần cũng lãnh được phép đại-thừa cả. Còn về hàng đệ-tử đức Không, chính trong hàng thập-triết mà cũng chỉ được có vài ông như Thầy Nhan, thầy Tăng là học về khoa đạo-đức mà thôi. Thế thì biết cơ-duyên của Nho-giáo kém thừa Phật-giáo nhiều lắm. Và lại trong đạo Phật thì đầu nơi Nhơn-thiên thừa cũng có một phần đạo-đức-học chớ trong đạo Nho thì các khoa ngôn-ngữ, văn học, chánh-trị đều là những lối học về kinh-tế, chớ không phải lối học đạo-đức.

Lại trong đạo Nho, đạo đức-học đã thất truyền; thất truyền cho đến nỗi làm bực hay chữ cũng chưa hiểu đạo Nho là gì; còn trong đạo Phật thì khác hẳn, đạo Phật lúc nào cũng chú trọng về đạo-đức-học cả.

Vả kinh-tế là về mặt sự-tướng, phải tùy theo thời mà thay đổi; đạo-đức là về mặt lý-trị, vẫn bất di bất dịch. Hiện nay kinh-tế-học của đạo Nho đã không hiệp thời, mà đạo đức-học của đạo Nho đã thất-truyền, nên khó bề chấn-hưng Nho-học lắm.

2.) Hai là vì đạo Nho thiếu người duy-trì. — Như trên đã nói, tuy đạo Phật từ đời hậu Lê đã mất cái địa-vị quốc-học mà cũng vẫn thanh-hành trọng nhơn-gian, không vì thế mà kém sút; đó là nhờ các bậc Tăng-già duy trì Phật-học; còn đạo Nho thì khác hẳn, đạo Nho từ khi mất cái địa-vị quốc-học, chỉ chưa đầy 20 năm đã thấy dân gian lãnh đạm bơ thờ, những tiếng « tử viết » « đức thánh nói rằng », ngày xưa vang rầm trong các làng, đên nay không còn thấy tăm hơi nữa. Thế thì biết đạo Nho không có người nhận cái chuyên-trách duy-trì; mà đã không có người duy-trì thì quyết nhiên khó bề chấn-hưng lắm.

3-) Vì lý-thuyết đạo Nho đơn-giản và hẹp hòi không hiệp với trí-thức thanh-niên đời nay. — Như trên đã nói, các bực Thánh-nhon phải tùy cơ mà dạy bảo, cơ duyên đã kém thời giáo-pháp cũng không thể cao siêu; vậy nên khi thầy Tử-Lộ hỏi đức Khổng-Tử rằng: « sự chết là làm sao ? » đức Khổng-Tử chỉ đáp lại rằng : « chưa biết sống, đâu biết được chết ». Ngài đáp như vậy là vì ngài biết căn-cơ của thầy Tử-Lộ không thể lãnh được những pháp cao siêu. Lại Nho học dạy người « suốt tánh chi vị đạo », hoặc dạy người « nhứt cử nhứt động đều phải pháp thiên cả », cái giới hạn còn ở trong thế-gian nên có phần hẹp-hòi; chớ đạo Phật thì dạy người « Tam giới duy-tâm, vạn pháp duy-thức », dạy phép tu giải-thoát ra ngoài vòng thế-gian mà làm bực Thiên-nhon-sư, nên có phần cao-siêu hơn nhiều lắm.

Trong kinh điển đạo Phật, lý-nghĩ rất rõ ráo, nghị-luận rất thâm diệu, không một lời vô-đoán, không một câu nói suông, sự-gì cũng xét rõ nguyên-nhon, việc-gì cũng chứng-thấu cội-rễ, bao-trùm tất cả các pháp-thế-gian và xuất-thế-gian, thiệt không có giáo-ly nào sánh kịp được.

Khi đức Phật Thích-Ca tại thế, các vị quốc-vương, các hàng trưởng-giả cho đến hạng binh-dân đều quý-ngưỡng tín-phục nên giáo-pháp lưu-truyền rất dễ-dàng và mau chóng; còn đức Khổng-Tử thì khác, đức Khổng-Tử châu-du-lục-quốc mà không một ông vua nào biết dụng-ngài, lại đương-thời đệ-tử của ngài không được bao-lắm, trong dân-gian ít người tín-ngưỡng, nên giáo-pháp khó nổi lưu-thông và cũng khó bề giữ-được cho thuần-túy. Huống-chi chính đức Khổng-Tử cũng đã nhường-bực-thánh cho đức Phật. Một cái chứng-cớ rõ-ràng là khi Quan-Thương-thái-tề hỏi đức Khổng-Tử rằng « ngài có phải là Thánh không », đức Khổng-tử đáp rằng : « tôi không phải là thánh, cho đến tam hoàng ngũ đế cũng không được xưng là thánh, duy phương-Tây có bực Thánh-nhon mà thôi ». Bực Thánh-nhon bên phương-tây tức là đức Phật Thích-Ca vậy.

Có người lại bảo rằng : « nếu Phật-giáo hay hơn Nho-giáo sao bậc-dại Nho là ông Hàng-Dũ lại bài-bác đạo Phật ». Tôi xin giải-ràng « ông Hàng-dũ sở-đĩ bài-bác là vì ông chưa hiểu đạo Phật; xem trong bài-sớ của ông Hàng-dũ thì rõ-ràng ông chưa hề học

một kinh Phật, chưa hề biết Phật là chi; ông chỉ đứng về địa vị một người đệ tử trung thành của Nho giáo mà bài bác một đạo giáo khác, song cũng chỉ bác về sự tướng bề ngoài chứ chưa hề bác đến giáo lý của đạo Phật. Nghiệm như khi ông bị trích ở Triều Châu, gặp ngài Thái Diên Hòa thượng cùng nhau bàn luận đạo lý, sau ông ra về còn cỡi áo lại tặng cho ngài Thái Diên; thì đủ biết ông Hàng-dũ về sau cũng phục giáo lý của Đạo Phật. Huống chi ngoài ông Hàng-Dũ ra, còn biết bao nhiêu là bậc đại nho như ông Bạch-Cư-Dị, ông Đỗ-Phủ, ông Mạnh-hạ-Nhiên, ông Trinh-tử; ông Tô-Đông-Phá, vân vân, đều qui-ngưỡng theo đạo Phật; chẳng những qui-ngưỡng mà làm vị đã thiết hành tu trì Phật pháp nữa. Thế đủ biết chấn-hưng Nho-học không bằng chấn-hưng Phật-học.

4.) Vì cần phải lựa một giáo lý cho hiệp thời cơ để vun đắp nên đạo đức nước nhà. - Ngày xưa trong xứ ta, ai đã muốn xu-hướng về đường công danh, ứng dụng với đời mà cầu kế sanh hoạt thời đều phải do Nho-học mà làm con đường tiến thủ, nên Nho-học đã tràn khắp cả toàn quốc. Nho-học là một luân-lý-học rất thiết thiết; nhờ đó mà nền luân lý nước nhà được vững bền chắc chắn. Ngày nay Nho học không thích hợp với đời, nên khoa cử về môn ấy phải đình bãi, mà Nho học đã không phải tồn giáo lại không phải triết học thì còn ai học đạo nho mà làm gì nữa; vậy Nho học thiết không thể chấn hưng. Nho học đã không thể chấn hưng thì cái nền đạo đức luân lý trong nước ta xưa nay biết lấy gì mà duy trì cho khỏi bị phá hoại. Tôi vẫn biết hiện nay các thần giáo lưu hành trong xứ ta cũng nhiều, nhưng chỉ là những bạn sơ giao, chưa được quen hơi bén tiếng, ít thích hợp với phong tục xứ ta nên cũng khó bề truyền khắp. Lại hiện nay người nước ta đương chăm về tân-học, trong đó có biết bao là lý thuyết lý kỹ, là nghị luận siêu việt, chính ở bên Âu Mỹ những cơ sở hiện thành của thần-giao còn bị họ phá hủy thay, huống nữa ở trong nước ta! nhưng chẳng lẽ chúng ta lại phải bỏ cả tân-học, bỏ cả lý-luận mà theo các thần giáo!

Suy cùng nghĩ chín, muốn duy trì nền luân lý nước nhà, chúng ta quyết định cần phải chấn-hưng Phật học; vì sao?

Một là vi đạo Phật đối với phong tục nhơn tâm xứ ta đã được nhiều ảnh hưởng. — Đạo Phật là bạn cố cựu của Nho giáo từ hơn 1.000 năm về trước, trong các đời Đinh, Lê, Lý, Trần đã từng phen bắt tay nhau trên nền quốc học đặng gầy dựng chung cái nền đạo đức cho quốc dân ; đầu sau này Phật-học không phải là quốc học đi nữa, nhưng Phật giáo vẫn là một tôn-giáo công nhiên của toàn quốc, trên quốc vương thì triều nào cũng lập tự độ tăng, giữa dân gian thì làng nào cũng có chùa có Phật, nên Phật-học lúc nào cũng đã dự phần đào tạo nền đạo đức, luân lý cho nước ta cả. Phật-học đã cùng với Nho-học đào-tạo nền luân-ly nước nhà, lại Phật học có thể bao quát cả Nho học nữa ; vậy ngày nay Nho-học đình đốn, muốn duy trì nền đạo đức nước nhà thì quyết định cần phải chấn-hưng Phật-học.

Hai là vi đạo Phật giáo-ly cao-thượng. — Giáo-ly đạo Phật, đầu cho các triết-học đời bây giờ cũng chẳng bị kịp, nên có thể làm cho các nhà tân-học phải tin-phục. Vậy muốn duy-trì nền đạo-đức nước nhà, dung-hiệp được cả các phái tân-học và cựu-học thì quyết định phải chấn-hưng Phật-học.

Ba là vi Phật-học là một phương thuốc rất hay để đối trị tâm bịnh loài người. — Ngày nay phong-trào vật-chất văn-minh càng ngày càng bành-trướng, xô đẩy người đời về con đường ham muốn, làm cho lòng người đã sẵn tham lại tham thêm, đã sẵn sân lại sân thêm, đã sẵn si lại si thêm, nếu không có một giáo-ly rõ ràng viên-mãn đủ các phương-pháp thực nghiệm để duy-trì nhơn-tâm cho có cái nghị-lực phá tan ba cái nghiệp chướng đó, thì biết bao giờ nhơn-loại ra khỏi vòng khổ-não.

Đạo Nho vẫn có dạy « Kiến đức tư nghĩa » là giới tham, « bất niệm cựu ác » là giới sân, « khổng nhi bất học, dân tu vị hà », là giới si ; nhưng chỉ nói đại-lược, không đủ phát lòng tin-nghưỡng. Đạo Phật thì khác, đạo Phật chỉ rõ căn-nguyên của vũ-trụ, của nhơn-sanh, chỉ rõ các phiền-não tâm-sở, các công-hạnh tu trì, các từng bậc giải-thoát nên dễ làm cho người đời khâm-phục và phát-khí tin-tâm lắm. Đó cũng là một duyên-cớ cần phải chấn-hưng Phật-học hơn là chấn-hưng Nho-học.

Có người lại nói rằng: «Xưa nay các người tu theo đạo Phật có thể chia làm bốn hạng:

1) Hạng người sanh ra đã có tánh điềm-tĩnh, thản-nhiên, không cần phải duyên cớ gì mà xuất-gia đầu Phật.

2) Hạng người nhiều tuổi đã từng trải việc đời, sanh lòng chán nản nên tìm cảnh chùa để tiêu điều cho giải-trí.

3) Hạng người lười biếng không có kế sanh-nhai phải ở chùa để độ nhật.

4) Hạng người vì cần-duyên trắc-trở, cảnh-ngộ lôi thôi, sanh ra buồn bực nên đi tu cho khuấy lảng. Còn như chúng ta đây, ở về đời cạnh-tranh này, khôn sống bống chết, mạnh được yếu thua, chúng ta nên tìm phương làm cho dẫn-trí mở mang, văn-minh tấn-bộ mới là phải, chớ khur khur giữ nền đạo-đức, nói sự tu hành, thiệt không ích gì cho đời cả.» Tôi xin trả lời rằng : những lời nói ấy đều là vì chưa hiểu Phật-pháp đó thôi, chớ người ta sanh ra ở đời đã giao-thiệp cùng nhau trên trường xã-hội, nếu không có đạo-đức duy-trì tâm-tánh thì chi cho khỏi cướp giết nhau, lừa gạt nhau, trong gia-đình anh em không thuận hòa, ngoài xã-hội đoàn-thề không liên-hiệp, còn chi đáng gọi là trí-thức, đáng gọi là văn-minh được nữa. Đạo Phật từ-bi rộng lớn, cứu độ tất cả các hạng người, đâu phải chỉ riêng cho những kẻ xuất—gia đầu Phật. Và lại đạo Phật chỉ trừ những việc dữ, ngoài ra thì các công việc giữa thế-gian cũng đều dung-hiệp được cả, đâu cho triết-học, khoa-học, kinh-tế-học, xã-hội-học, kỹ-nghệ-học vân vân, cũng không ngại gì với Phật-pháp. Kinh Hoa-Nghiêm có câu «Ngũ địa Bồ-Tát, thiệp thế độ sanh, ư thế-gian kinh thơ, kỹ nghệ, y phương, tạp luận, đồ thơ, ấn tử, chủng chủng chư Pháp, my bất cai luyện,» nghĩa là hàng Bồ-Tát đệ ngũ địa vào đời độ sanh, ở trong thế-gian nào kinh sách, phương thuốc, lý-luận, đồ-thơ, ấn tử, tất cả các pháp, không pháp nào là không tập luyện cả.» Kinh Pháp-Hoa có câu: «Nhược thuyết thế-gian, kinh thơ, trị thế, ngữ ngôn, tư sanh đẳng nghiệp, giai thuận chánh pháp.» nghĩa là «như nói các kinh sách, các lối trị đời, các lời nói, các sự nghiệp để giúp sống cho đời đều thuận chánh-pháp cả.» Vậy người đạo Phật đâu phải chỉ nên ở chùa



TỨ CHÁNH CÂN

Tứ-niệm-xứ là bốn phép quán, sau khi đã xét rõ về phần lý-tướng thời phải tức nơi sự-tướng mà quán-sát cho thiệt biết thân là bất-tĩnh, thọ là khổ, tâm là vô-thường, pháp là vô-ngã. Muốn quán thân-bất-tĩnh thì phải đến xem thân người chết hoặc thân các con vật chết, nhắm kỹ các hình-tượng thay đổi, tang rã, in vào trong tâm-trí, rồi về nơi tịch-thất, quán lại các tướng ấy cho rõ ràng minh bạch; nếu còn lơ mờ phải đi xem lại nhiều lần cho rõ. Đến khi quán được các tướng ấy rồi, thì đem các tướng ấy dờ vào nơi thân mình, từ cái tướng mới chết, cái tướng xanh ngắt cho đến sự da thịt rời rã chỉ còn một bộ xương trắng.

Quán thân mình rồi, phải quán-sát thân-thê của các loài hữu-tính thấy đều bất-tĩnh cả. Được như vậy thời cái quán bất-tĩnh đã thành-tựu.

Muốn bước lên một tầng nữa thời phải đề tâm giữa hai chân mày mà quán bộ xương rời rã, từ xương chông, xương tay, cho đến xương bụng, xương cổ của mình và tất cả chúng sanh đều rời rã mỗi nơi mỗi miếng, chỉ còn một cái sọ dừa. Về sau, lại quán cái sọ dừa mục nát ra từng

miếng xương, y như tất cả các miếng xương không hai không khác, hoặc lại quán lửa đốt bỏ xương thành tro và quán ra gió thổi tro bay hết, không còn gì đáng gọi là thân nữa cả. Quán được như vậy là đến chỗ thân không, phép ấy thông cả tiểu-thừa và đại-thừa.

Đã quán được thân là bất-tịnh thì phải quán luôn tất cả các đều khổ-não đều do sự lãnh-thọ mà có. Khổ-thọ khổ đã đành mà lạc-thọ cũng vô-thường, bay sinh chán nản, nên cũng là khổ, cho đến xả-thọ tuy không phải vui không phải khổ, song nó cũng ràng buộc khuấy nhiễu, làm cho tâm không được tự-tại. Quán được như vậy, đến khi chứng rõ tất cả các sự lãnh-thọ, đau khổ-thọ, lạc-thọ, xả-thọ đều là nguồn gốc tất cả các sự khổ-não, thì cái quán thọ-tập-khổ được thành-tựu. Bước lên một tầng nữa thì nên quán cái năng-thọ và cái sở-thọ đối đãi với nhau mà phát-hiện, vốn không có tự-tánh; năng-thọ, sở-thọ đã không thì cũng không còn gì đáng gọi là thọ; phép quán sau này thông cả đại-thừa và tiểu-thừa.

Thứ nữa thì quán tâm-vô-thường, nghĩa là quán cái tâm niệm niệm dời đổi, như nước thác đổ xuống, lớp sau nổi lớp trước, không gián đoạn, in tuồng một miếng liễn lầy, nhưng thiệt ra thì vẫn thay đổi mãi mãi. Đến khi chứng rõ tâm-niệm là vô-thường, thì cái quán này được thành-tựu.

Bước lên một tầng nữa thì phải quán cái tâm không có tự-tánh, thiệt không thể tìm được một pháp gì đáng gọi là tâm cả. Phép quán sau này thông cả đại-thừa và tiểu-thừa.

Thứ nữa thì quán pháp vô-ngã, nghĩa là quán tất cả các pháp nhưn-duyên hòa-hiệp mà thành, vốn không tự-tánh. Bước lên một tầng nữa thì nên quán các pháp đều thể-gian hay xuất-thể-gian đều như huyền như hóa, chỉ có danh mà không thiệt. Phép sau này thông cả đại-thừa và tiểu-thừa.

Phép quán tứ-niệm-xứ có thể dứt trừ các sự phiền-não, song nếu không tu phép Tứ-chánh-căn thì phép quán tứ-niệm-xứ khó bề thành-tựu.

Cần nghĩa là tinh-tấn, nghĩa là siêng năng. Bốn phép tinh-tấn này hiệp với chánh-đạo, nên gọi là tứ-chánh-cần.

Ở đời việc gì muốn thành đạt cũng phải chuyên cần tinh-tấn, như người đi học muốn hay chữ cũng phải đèn sách hôm mai, kẻ làm ruộng muốn được mùa cũng phải thức khuya dậy sớm, bất cứ việc gì cũng phải ra công nỗ lực mới được kết quả mỹ mãn. Vậy người tu hành muốn khỏi kiếp vô-thường, xa vòng khổ não, chứng được cái quả vị chơn-thường an lạc thì tất nhiên phải tu hành cho tinh-tấn.

Bốn phép chánh-cần có cái năng lực phá các tà pháp và đưa kẻ tu hành vào đường chơn-chánh, nên gọi là chánh-cần.

Bốn phép chánh-cần vẫn một thể tinh-tấn, song theo lý nghĩa thì cũng có thể chia ra làm bốn là :

1) Điều ác chưa sanh ngăn ngừa đừng cho sanh,

2) Điều ác đã sanh dứt trừ khiến cho đừng chấp nổi dây đưa thêm nữa.

3) Điều lành chưa sanh thì khiến cho sanh.

4) Điều lành đã sanh thì khiến cho rộng lớn thêm.

Vậy trước khi tu phép tứ-chánh-cần, chúng ta phải phân biệt thể nào là điều lành, thể nào là điều dữ.

Điều lành điều dữ là gì? Những điều về thế-gian hay xuất-thế-gian có thể làm cho mình và kẻ khác được lợi ích về hiện-tại hay về vị-lai thì gọi là điều lành. Trái lại, những điều về thế-gian hay xuất-thế-gian có thể làm tổn hại cho mình và người khác về hiện-tại hay về vị-lai thì gọi là điều dữ.

Theo lối định nghĩa như trên, thì điều lành (thiện) với điều dữ (ác) đối với thế-gian-pháp và xuất-thế-gian-pháp có thể chia ra ba phần:

I. — Hữu-lậu-ác

II. — Hữu-lậu-thiện

III. — Vô-lậu-thiện.

I. — Hữu-lậu-ác

Hữu-lậu-ác vẫn nhiều, nhưng có thể tóm lại trong hai thứ là Ngũ-ngộch và thập-ác.

A) *Ngũ-tịch*. — Ngũ-nghịch là năm đều trọng tội rất có tồn-hại, thường sanh ra các quả khổ ở Địa-ngục vô-dán, nên cũng có tên là ngũ-vô-dán-nghiệp.

Theo luận Cu-Xá thì năm món vô-dán-nghiệp là:

a) Hại mẹ. — Trong tất cả các hạnh, lấy hiếu làm đầu, nên trong đạo Phật thường dạy phải báo đáp công ơn cha mẹ. Lòng bà mẹ thương xót con cái kè sao cho xiết, nào là mang nặng đẻ đau, ăn cay nuốt đắng, nào là săn sóc nuôi dưỡng, bỏ ăn bỏ ngủ với con, con đau thì mẹ đau, con khóc thì mẹ khóc, công đức kè sao cho xiết. Lời ca-giao có câu: « Lên non mới biết non cao, có con mới biết công lao mẫu tử », ai đã có nuôi con, thương con mới rõ được công lao của bà mẹ. Đối với cái công đức sanh thành dưỡng dục lớn lao như vậy, đã không báo đáp lại sanh lòng sát hại thì tội ác biết bao, vậy nên phải đọa vào Địa-ngục vô-dán.

b) Hại cha. — Công ơn của cha cũng không khác gì công ơn mẹ, vẫn biết đã có mẹ nuôi nấng săn sóc, nhưng nếu không có cha thì lấy ai ra công làm việc, chùng bùn tay lấm, giải nắng dầm sương để cho đủ tiền nuôi con nuôi vợ. Trong khi làm việc, người làm cha thường bị trăm điều vất vả, muôn sự nhọc mệt, nhưng nghĩ đến con cái ở nhà cũng hóa ra hăng hái, dầu vất vả mệt nhọc bao nhiêu cũng phải cam tâm mà chịu để cho con cái khỏi đói rách cực khổ; lắm khi tự biết trong mình có bệnh mà cũng gắng làm việc cho đến hơi thở cuối cùng để cho vợ conặng phần no ấm. Đối với công đức lớn lao như vậy, đã không lo báo đáp lại sanh lòng sát hại thì tội ác có chi bằng, nên phải đọa vào địa-ngục vô-dán.

c) Hại A-La-Hán. — Các bậc A-La-Hán, đạo cao đức trọng đã chứng được vô-ngã-tri, nên thương tất cả chúng sanh như mình không khác, lẽ đáng ai ai đều phải tôn-sùng qui-ngưỡng; thế mà có người trở sanh lòng sát hại thì cái tội ác kè sao cho xiết, nên phải đọa vào vô-dán địa-ngục.

b) Phá hòa-hiệp-tăng. — Hòa-hiệp-tăng là một tăng-chúng tinh-nghiêm giới-luật, đủ pháp lực-hóa, đem thân-giáo, khẩu-giáo, ý-giáo mà hóa-độ chúng sanh, lẽ đáng ai ai đều phải cung kính

kính đường, tán thành bảo-hộ để cho chúng sanh thường được dắt dìu lên con đường đạo-đức. Thế mà có người đã không hộ-tri lại còn phá hoại, làm cho các thầy mất chỗ tu hành, chúng sanh không ai hóa-độ thì cái tội ác kê sao cho xiết, nên cũng phải đọa vào địa-ngục vô-dán.

e) Thích Phật thân huyết.— Phật là bậc từ-bi bình-đẳng, thương tất cả chúng sanh như con, thường theo cơ cảm của chúng sanh mà cứu vớt ra khỏi các sự khổ não; người thông-thường đã có phước được gặp Phật thì thấy đều phải phát tâm kính mến : qui ngưỡng; thế mà có người độc ác cho đến nổi làm cho thân Phật có thương tích đến phải chảy máu thì tội ác chi bằng, nên cũng phải đọa vào vô-dán địa-ngục.

B) *Thập ác*. — Thập ác là mười nghiệp dữ có thể gây ra các quả báo khổ sở. Thập ác là :

Sát-sanh,
Thâu-đạo,
Tà-dâm,
Vọng-ngôn,
Lưỡng-thiệt,
Ỗ-ngữ,
Ác-khẩu,
Tham,
Sân,
Si.

Ba món đầu thuộc về thân-nghiệp, bốn món giữa thuộc về ngữ-nghiệp, ba món sau thuộc về ý-nghiệp.

a) Sát-sanh. — Sanh-vật đều có tâm-trí như chúng ta, chúng ta biết đau khổ, sanh vật cũng biết đau khổ, chúng ta biết ra sống sợ chết, sanh vật cũng biết ra sống sợ chết, nay chúng ta ý mạnh ý khôn trở lại sát hại sanh vật, thì đối với chúng ta đã mất lòng nhơn-từ, mà những sanh vật bị giết lại phải chịu xiết bao những sự đau đớn khổ sở.

Trong kinh Lăng-Nghiêm Phật có dạy : «Lấy thân người mà ăn thịt dê, dê chết rồi làm người, người chết rồi làm dê, như vậy cho đến

mười giống sanh-loại, chết rồi sống, sống rồi chết, thay đổi ăn nhau, nên sanh ra các nghiệp giữ cùng tột đời vị-lai không ngớt». Sát-sanh là một điều đã làm hại cho mình lại làm hại cho sanh vật khác, nên phải liệt vào hàng thập ác.

b) Thâu-đạo. — Người ta phải lao công tồn-tri biết bao mới được của cải, nên đến khi mất của, lắm người phải đau đớn đến nổi tự-tử, khổ sở kè sao cho xiết.

Sự thâu đạo, nghĩa là nhận lấy những của cải người khác khi họ không vui lòng cho mình, làm tổn hại cho người mất của đã đánh, mà đối với người được của cũng thường làm tăng-trưởng lòng tham-dục và sanh ra sự lo lắng nên liệt vào hàng thập-ác. Những người bày mưu định kế lấy của người khác, dầu họ phải buộc lòng đưa ra đi nữa cũng không khác gì những kẻ trộm tiền cướp của.

c) Tà-dâm. — Tà-dâm là sự dâm-dục không hiệp lễ tiết. Người xuất-gia không được lấy chồng lấy vợ, mà lấy chồng lấy vợ là tà-dâm. Người tại-gia có ngoại-tình là tà-dâm. Sự tà-dâm có hại cho mình và cho người khác nhiều lắm nên cũng liệt vào hàng thập-ác.

d) Vọng-ngôn là nói láo, nói những điều không có.

e) Ý-ngữ. — Ý-ngữ là nói quanh, nói quẩn, nói bóng nói dáng, uốn éo theo chiu, theo dẹt thành chuyện, làm cho chơn-lý phải khuất-lấp và làm người phải lầm lạc.

f) Ác-khẩu. — Ác-khẩu là lời nói dữ tợn như ngăm, dọa, nạt, la, trù, rủa, mắng, chửi vãn vãn.

g) Lưỡng-thiệt. — Lưỡng-thiệt là đối với người này nói một cách, đối với người kia nói một cách, đâm điềm làm cho hai bên thù oán ghét bỏ nhau.

Bốn môn ngữ-nghiệp này đã làm cho mình mất lòng chơn-chánh, mất sự tin-nhiệm của người đời, lại làm cho kẻ khác uất-ức hờn giận, nên liệt vào hàng thập-ác.

h) Tham. — Cái gì mình ưa, muốn cho được về phần mình thì gọi là tham. Mình ưa, người khác cũng ưa, mình muốn được về phần

minh, người khác cũng muốn được về phần người khác, ở giữa thế-gian sanh những sự xung-đột xâu xé đều vì lòng tham mà ra cả. Chẳng những tham tiền tham của là tham, mà tham danh-vọng, tham chức phận cũng là tham; vì lòng tham mà nhân-loại không thương yêu nhau, vì lòng tham mà nhân-loại lừa gạt nhau, lẩn hiếp nhau, ganh ghét nhau; lòng tham có tổn hại như vậy nên liệt vào hàng thập-ác.

i) Sân. — Đối với những sự không hiệp ý sanh ra lòng bất-bình thì gọi là sân. Ở giữa đời bao nhiêu những sự nóng giận thù hằn, bức tức, táo-bạo cũng đều do lòng sân mà ra cả. Lòng sân đã phát sanh thì không còn biết gì là phải, là trái nữa; vì sân mà làm điều thô lỗ, vì sân mà gây việc bất-lương, vì sân mà pháp-luật cũng không kiên, vì sân mà quả báo cũng không sợ; lòng sân làm tổn hại cho mình và cho kẻ khác kể sao cho xiết, nên cũng liệt vào hàng thập-ác.

k) Si. — Si là si-mê không rõ là chánh, không tin nhưn-quả. Chúng sanh lâu đời lâu kiếp chịu khổ luân-hồi sanh tử cũng vì si mê chấp có thiệt ngã thiệt pháp, không chịu rời bỏ, dầu gây ra những nghiệp dữ nào tham, nào sân, nào sát, đạo, dâm, cũng vẫn si mê, không tin nhưn-quả, không tin chánh-lý mà thôi. Vì si-mê mà lắm khi biết là phải là hay mà không làm được, vì si-mê mà lắm lúc biết là quấy là dở mà không bỏ nổi; lòng si-mê làm tổn hại như vậy nên liệt vào hàng thập-ác.

II. — Hữu Lậu Thiện

Thiện-pháp vẫn không phải thiệt là hữu-lậu, song vì còn đem tâm nhưn ngã mà hành thiện, nên cái thiện đó phải gọi là hữu-lậu. Hữu-lậu-thiện có thể chia ra hai giống là chỉ thiện và tác-thiện. Chỉ-thiện thì gồm trong câu: «Chư ác mạc tác»; như giữ các giới-cấm, không làm việc thập-ác thì đều gọi là chỉ-thiện. Tác-thiện thì có thể gồm trong câu: «Chúng thiện phụng hành», nghĩa là tu phép thập-thiện như trong bài giảng về nhưn-thiên-thừa đã chỉ rõ.

III. — Vô lậu Thiện

Thiện và ác là phép đối đãi: nên tùy theo địa-vị, cái nghĩa thiện và ác có khác. Như đối với Tạng-giáo thì các pháp hữu lậu-thiện, tuy làm cho hưởng được phước báo trên cõi nhơn-thiên, nhưng chưa giải-thoát ngoài vòng sanh tử, nên cũng gọi là ác; duy có các hạnh từ-bi cứu giúp chúng sanh, tự độ mình và độ kẻ khác ra khỏi sanh tử thì mới gọi là thiện. Song Tạng-Giáo chỉ tự độ khỏi phân-đoạn-sanh-tử và độ các chúng sanh hữu-duyên khỏi phân-đoạn-sanh-tử, chớ chưa đoạn được pháp-chấp, nên đối với Thông-giáo cũng còn gọi là ác. Thông-giáo đoạn được tất cả vọng-kiến của chúng sanh, nên gọi là thiện, song đối với Biệt-giáo thì cũng gọi là ác, vì chưa thấy được lý Trung-đạo. Biệt-giáo đã thấy được lý Trung-đạo, nên gọi là thiện, song cái Trung-đạo của Biệt-giáo còn cách bức, nên hạnh độ sanh chưa hoàn toàn, vì vậy đối với Viên-giáo cũng còn gọi là ác. Vậy diệu-viên trung-đạo của Viên-giáo mới thiết là chí thiện. Đối với Viên-giáo thì thuận với thực-tướng là thiện, trái với thực tướng là ác, rõ suốt viên-lý là thiện, chấp-trước viên-lý là ác; đến chấp trước viên-lý mà cũng gọi là ác thì biết rằng đối với Viên-giáo Bồ-tát duy có thực-tướng viên-lý là thiện mà thôi.

Về phần tiểu-thừa, các pháp có thể đoạn được kiến-hoặc, tư-hoặc, thuận theo ba pháp-ẩn: «không, vô-tướng, vô tác» mới là vô-lậu-thiện. Ví như trong khi bố-thí, nếu còn các tướng năng-thí (người bố-thí), thọ-thí (người chịu bố-thí) và sở-thí (vật bố-thí) thì tiểu-thừa còn gọi là ác; đến khi dứt sạch các tướng năng-thí, thọ-thí và sở-thí thì mới được gọi là vô-lậu-thiện.

Người tu hành cần phải siêng năng dứt trừ thập ác và tụ tập vô-lậu-thiện, những việc ác đã làm thì sám-hối, những việc ác chưa làm thì đừng làm, những việc lành chưa làm thì gắng làm, những việc lành đã làm thì gắng khoách-trương cho rộng lớn, thì mới chắc khỏi sự đọa lạc.

Nghiên-cứu

NGHIEN-CỨU VỀ THẮNG-LUẬN

Thắng-Luận, cũng gọi là Vệ-Thế, Phệ-Thế-luận, là một phái ngoại-đạo rất có ảnh-hưởng bên Ấn-Độ, lý-thuyết có phần đặc-sắc hơn Số-Luận nữa. Số-Luận tuy không sùng-bái Thiên-thần song còn tin có thần-ngã tự-lành tạo thành muôn vật nên chưa thoát khỏi phạm-vi của Thần-giáo; Thắng-Luận thì khác hẳn, Thắng-Luận liệt cái ngã, cái ý ngang hàng với tú-đại, thoát ly hẳn ra ngoài cái phạm-vi mê-tin của Thần-giáo nên lối khảo-sát muôn sự muôn vật có phần thiết-thiết chín chắn.

Hiện nay trong xứ ta, các bộ luận về ngoại-đạo ấy chưa có, chúng ta chỉ có thể nghiên-cứu tôn-chỉ của Thắng-Luận-sư một cách giản lược ở nơi các bộ luận pháp-tướng mà thôi.

Nguyên đời thượng-cổ có một vị tổ-sư ngoại đạo ra đời tên là Uẩn-Lộ Ca (Uluka). Vị này ban ngày tránh sự huyền-náo, ẩn tích trong núi chờ ban đêm yên lặng mới đi khất-thực; người đời thấy vậy nên đặt hiệu là Uẩn-Lộ-Ca, (tên một con chim đi ăn đêm) nhưng thiệt ra cũng chẳng ai rõ tên họ thiệt của ông là thế nào cả.

Ông Uẩn-Lộ-Ca tu hành đã lâu năm, ngộ được nghĩa lục cú, tự nghĩ đã thành-đạo, đặt ra bộ Lục-cú-luận để dạy người học trò của ông gọi là Ngũ-Đánh. Các môn-đồ của ông Uẩn-Lộ-Ca đặt tên bộ luận ấy là Thệ-Thế-Sử-ca, nghĩa là thắng, vì họ nghĩ rằng bộ luận ấy hơn tất cả các luận lại do một bực Thắng-nhơn tạo thành nên đặt tên như vậy. Những tên Phệ-thế, Vệ-phế, Bệ-thế của phái Thắng-luận đều do chữ Phệ-Thế-sử-ca (Vaisska) mà ra.

Đại-ý trong phái thắng-luận cho rằng tất cả muôn sự muôn vật đều do những môn có thiệt chất (thiệt) nhưng tánh cách (đức) và những lối tạo-tác (nghiệp) hòa hiệp mà thành, nhưng hòa- hiệp thành ra sự này vật khác là nhờ có động-dị-tánh và hòa- hiệp-tánh. Động-dị-tánh nghĩa là cái

này đối với cái khác hoặc có tánh đồng nhau, hoặc có tánh khác nhau; hòa-hiệp-tánh là cái này đối với cái khác hòa-hiệp lại mà thành ra có vật này vật khác. Ví dụ như cái bàn đối với các cái bàn khác fa đồng, đối với ghế, với áo quần là dị. Lại nữa, cái bàn do nhiều miếng gỗ hòa-hiệp mà thành, xét cho cùng nữa thời do các cực-vi về địa-đại hòa-hiệp với các tánh-cách và các nghiệp-dụng mà thành ra cái bàn. Ngoài các môn kia ra, ông Uần-Lộ-Ca lại lập ra một tánh gọi rằng Đại-hửu-tánh. Ông xét dầu thiệt, dầu đức, dầu nghiệp, dầu các tướng hòa-hiệp đều là có cả, đã là có thời thấy thấy đều ở trong phạm-vi cái có, nên ông lập ra một tánh trùm khắp muôn sự muôn vật gọi là Đại-hửu-tánh.

Nói tóm lại lục-cú của Thắng-Luận là thiệt, đức, nghiệp, đồng-dị, hòa-hiệp và đại-hửu.

Ông Uần-Lộ-Ca đem nghĩa Lục-cú ấy giảng cho ông Ngủ-Đánh thì ông Ngủ-Đánh chỉ tin được năm món trước chớ chưa tin có Đại-hửu-tánh; đến sau ông Uần-Lộ-Ca phải lập ra cái lượng như vậy: « Hửu tánh phi thiệt phi đức phi nghiệp, hửu nhất thiệt cố, hửu đức nghiệp cố như đồng-dị-tánh »; chừng đấy ông Ngủ-Đánh mới tâm-phục và tin có Đại-hửu-tánh.

Về sau, ngài Thượng-Kiệt-La-Chủ tạo ra bộ Nhơn-Minh Nhập-chánh-lý-luận, chỉ-trích nhiều lỗi nơi cái tỉ-lượng ấy thì trong phái Thắng-Luận lại có ông Huệ-Nguyệt sửa sang lại giáo-ý của mình và lập ra bộ Thập-cú-luận thay cho bộ Lục-Cú. Theo ông Huệ-Nguyệt thì muôn sự muôn vật có thể tóm lại trong mười mục là: thiệt, đức, nghiệp, đồng, dị, hòa-hiệp, hửu-năng, vô-năng, cu-phần và vô-thuyết.

1) **THIỆT** — Thiệt có chín món là địa, thủy, hỏa, phong, không, thời, phương, ngã, ý.

Những món có sắc, có hương, có vị, có xúc thì gọi là địa; có sắc, có vị, có xúc, có tánh chất lỏng, tánh nhuần thấm thì gọi là thủy; có sắc, có xúc thì gọi là hỏa; có xúc thì gọi là phong; chỉ có thanh thì gọi là không (không đây là riêng có một cái không, chớ không phải cái sắc của cõi hư-không). Thời là cái nhơn làm cho duyên được, nói được

rằng cái này với cái kia mau chậm đồng nhau hay chẳng đồng nhau; phương là cái nhọn làm cho duyên được và nói được là đông hay là tây, là nam hay là bắc; ngã là cái trí do các nhọn-duyên biết vui biết khổ vân vân hòa-hiệp mà phát ra; ý là cái trí không do những nhọn-duyên biết vui biết khổ hòa-hiệp mà phát ra. Nói tóm lại, các môn thiết đều do nơi tánh-cách (Đức) mà có sai khác.

Chỗ sai khác của Ngã và Ý

Ngã	}	Giác	Ý
		Lạc	
		Kho	
		Dục	
		Sân	
		Căn-dòng	
		Paáp	
		Phi-pháp	
		Hành	
		Sở	
		Lượng	
		Biệt-tánh	
Hiệp			
Li			
BI-tánh			
Thũ-tánh			

2) ĐỨC. — Đức có 24 môn là :

- a) Sắc đối với nhãn-căn,
- b) Vị đối với thiệt-căn,
- c) Hương đối với tỉ-căn,
- d) Xúc đối với thân-căn,
- e) Sở là cái nhọn làm cho nói được là một thiết hay là không phải một thiết (hai thiết hoặc ba thiết),

f) Lượng gồm có 5 môn là vi-tánh, đại-tánh, đoản-tánh, trường-tánh và viên-tánh. Vi-tánh là tánh rất nhỏ, chỉ khi hai cái cực-vi hiệp lại thì mới được gọi là vi-tánh; từ ba cực-vi sắp lên thì đều gọi là đại-tánh; đoản-tánh là tánh ngắn chỉ khi hai cực-vi hiệp lại mới có; từ ba cực-vi sắp lên thì phải gọi là trường-tánh, còn viên-tánh thì có hai

thứ : một là cực-vi viên-tánh chỉ có nơi các cực vi chơn, thật là nơi phụ-cực-vi, mẫu-cực-vi khi chưa hòa-hiệp ; hai là cực-đại viên-tánh là cái tánh rộng lớn trùm khắp, chỉ có nơi bốn môn thiết là không, thời, phương, ngã.

g) *Biệt-tánh* là cái nhơn làm cho nói được chỗ sai khác của các món nhứt-thiết hay phi-nhứt-thiết ;

h) *Hiệp* là những cái trước không xáp nhau mà nay bắt đầu xáp nhau ;

i) *Lý* là những cái trước xáp nhau mà nay bắt đầu rời nhau ;

k) *Bi-tánh* là nương theo nơi số, nơi thời, nơi phương vân vân, chỉ những cái xa hơn ;

l) *Thử-tánh* là nương nơi số, nơi thời, nơi phương vân vân chỉ những cái gần hơn, ví dụ như vật này (thử) là một, vật kia (bỉ) là hai ;

m) *Giác* nghĩa là biết, cái hai giống, một là hiện-giác, cũng gọi là hiện-lượng, là cái tánh biết sanh ra khi thiết căn thiết cảnh hiệp lại với nhau ; hai là tỉ-giác cũng gọi là tỉ-lượng nghĩa là thấy một việc mà so sánh biết một việc khác ;

n) *Lạc* là vui đẹp ;

o) *Khổ* là khổ-não ;

p) *Dục* là trông cầu những món sắc, thanh, vân vân ;

q) *Sán* là ghét bỏ những món sắc, thanh, vân vân ;

r) *Cần-dông* là cái thể hăng hái mạnh mẽ trước khi làm việc ;

s) *Trọng-tánh* là cái nhơn làm phải rớt xuống ;

t) *Dịch-tánh* là cái nhơn làm cho những món địa, thủy, hỏa phải lan chảy ;

u) *Nhuận* là cái nhơn làm cho các món địa thấm rút được vân vân ;

v) *Hành* có hai giống, một là tri-chúng tức là các tập-quán sai khác do hiện-lượng, tỉ-lượng sanh ra, làm cái nhơn cho tâm-niệm ; hai là thể-dụng là cái nhơn làm ra các nghiệp quăng, chạy, nhảy, vọt vân vân ;

- x) *Pháp* là cái nhơn làm cho được thăng-quả ;
- y) *Phi-pháp* là cái nhơn làm cho mắc khổ-quả ;
- z) *Thanh* là cái tiếng đối với phi-căn.

3) **NGHIỆP.**— Nghiệp có 5 môn :

a) *Thủ-nghiệp* là cái nhơn làm cho các cục-vi đương hiệp phải ly ;

b) *Xã-nghiệp* là cái nhơn làm cho các vật đương ly thành hiệp ;

c) *Khuất* là xo lại ;

d) *Thân* là dứt ra

e) *Hạnh-nghiệp* là cái nhơn làm cho các món thiệt như địa, như thủy trước hiệp lại mà về sau phải rời ra.

4) **ĐỒNG.**— là cái nhơn làm cho nói được rằng cái tánh của thiệt, đức, nghiệp chẳng phải là không (tức là cái đại hữu-tánh của Lục-cú-Luận)

5) **DI.**— Nghĩa là khác nhau như thiệt khác với đức, đức khác với nghiệp.

6) **HÒA-HIỆP.**— Là cái nhơn làm cho hai môn hay nhiều môn thiệt, đức, nghiệp không rời nhau mà lại dính dấp với nhau.

7) **HỮU-NĂNG.**— Là cái nhơn làm cho thiệt, đức, nghiệp hoặc hiệp lại, hoặc riêng ra tạo được cái quả của mình.

8) **VÔ-NĂNG.**— Là cái nhơn làm cho thiệt, đức, nghiệp hoặc hiệp lại hoặc chia ra không tạo được các quả khác.

9) **CU-PHAN.**— Nghĩa là tánh chung của nhiều môn, như thiệt, đức, nghiệp là tổng-cu-phần, địa, sắc, thủy vân vân là biệt-cu-phần.

10) **VÔ-THUYẾT.**— Vô-thuyết nghĩa là gọi rằng không, gồm có 5 môn :

a) *Vị sanh-vô* là vì chưa có nhơn duyên thiệt, đức, nghiệp hòa-hiệp mà sanh nên gọi là không.

b) *Di-diệt-vô* là khi đã sanh rồi hoặc nhơn thể dụng hết hoặc có nghịch-duyên nên phải diệt thì gọi là vô.

c) *Cánh-hộ-vô* là nơi địa không có tướng thủy, nơi thủy không có tướng địa, đối đãi với nhau mà gọi là không.

d) *Bất-hội-vô* là nơi chỗ ấy không thể hòa-hiệp với đều ấy như nơi không-đại không thể có sắc-tánh nên gọi là không.

e) *Tất-cánh-vô* là không hẳn, không lúc nào có cả.

Tóm lại là mười món gọi là thập-cú. Thập-cú đối đãi với nhau có nhiều chỗ sai khác, cần phải phân-biệt :

A) *Một và nhiều*. —Đại-đồng (tức là đồng, tức là đại-hữn) và hòa-hiệp hai món ấy duy một vật; đức, nghiệp, dị, hữu-năng, vô-năng, cu-phần, vô-thuyết bảy món ấy duy nhiều vật; trong 9 món thiệt, không, thời, phương, ngã, ý thì một vật, địa, thủy, hỏa, phong thì nhiều vật.

B) *Thường và vô thường*. —Nghiệp toàn là vô - thường, Đại đồng, dị, hòa-hiệp, hữu-năng, vô-năng, cu - phần sáu món đều là thường, vì không phải là món sở - tác (bị làm ra). Trong 9 món thiệt, không, thời, phương, ngã, ý là thường; về địa, thủy, hỏa, phong thì những phụ - mẫu - cực - vi là thường, ngoài ra đều là vô-thường. Trong 24 món đức, giác, lạc, khổ, dục, sân, cần-dũng, pháp, phi-pháp, hành, ly, bất-tánh, thủ-tánh, thanh, hương, đều là vô-thường; trong các lượng-tánh, vi-tánh, đại-tánh, đoãn-tánh, trường - tánh, là vô-thường, viên-tánh là thường; số và biệt-tánh từ số hai sắp lên đều là vô-thường; số một, một biệt-tánh, dịch-tánh, nhuận-tánh, trọng-tánh, hiệp-tánh, sắc, vị, xúc nơi địa - đại, hỏa-đại là vô-thường, nơi các món thiệt khác là thường. Trong năm món vô-thuyết, vị-sanh-vô, là vô-thường, dĩ-diệt-vô, cánh-hộ-vô, tất-cánh-vô là thường; về bất-hội-vô cái chỉ nhưt định là thường, cái không nhưt định là vô-thường.

C) *Có hình chất ngăn ngại hay không hình chất ngăn ngại*. —Địa, thủy, hỏa, phong, ý, năm món thiệt ấy là hữu - ngại, ngoài ra đều là vô-ngại.

D) *Hiện-cảnh hay không hiện-cảnh*. —Những cái mà các căn có thể nhận được là hiện-cảnh, ngoài ra thì không phải

là hiện-cảnh. Như phụ-mẫu cực-vi về địa, thủy, hỏa, phong thì không phải là hiện-cảnh, mà tử-vi (phụ-mẫu cực-vi hiệp lại mà sanh) thì cho là hiện-cảnh, vân vân.

Những lối sai khác như vậy còn nhiều, tiếc vì hiện nay không thể nghiên-cứu cho tường tận. Nói tóm lại, phái Thặng-Luận cho tất cả muôn sự muôn vật đều do mười món Tập-cú hòa-hiệp Nhơn-duyên mà sanh ra, trừ Thập-cú ra thì không còn chi đáng gọi là muôn sự muôn vật cả. Trong Thập-Cú cốt nhất cần phải phân biệt những cái thường và những cái vô-thường, để tu tập theo những cái thường thì mới được quả thường-trụ .

Lý Nhơn-duyên của Thặng-Luận-Sư và lý Nhơn-duyên của đạo Phật khác nhau về chỗ nào, đều ấy chúng ta cần phải xét cho rõ ràng mới khỏi các sự lầm lạc.

CHÂU-HAI





VÔ-SANH

Vô-sanh là đặc điểm của Phật-giáo, là ách yếu của Phật-pháp, hiểu được vô-sanh là hiểu Phật-pháp, tu theo vô-sanh là tu chánh-đạo, chứng được vô-sanh là chứng thánh-quả; vậy cái pháp vô-sanh là thế nào, điều ấy chúng ta cần phải nghiên-cứu.

Chúng sanh không rõ bản-thể như-như bình-đẳng vốn không sanh diệt, nên chính nơi diệu-dụng của bản-thể, làm lạc phân biệt có cái tâm năng-liều-biệt và cái cảnh-sở-liều-biệt, thành ra có thân-thể, có hoàn-cảnh. Thân-thể đối đãi với hoàn-cảnh, hoàn-cảnh đối đãi với thân-thể, phát sanh ra những vọng-tưởng giả-danh làm cho tâm-niệm lằng xằng rối loạn, theo cảnh mà có ưa ghét buồn sợ, theo thân mà có già đau sống chết.

Chúng sanh không biết là vọng-tưởng giả-danh, lại nhận cái thân-thể thiệt là mình, cái hoàn-cảnh thiệt là tồn-tại, nên cái gì thân-thể ưa thì chúng sanh ưa, cái gì thân-thể ghét thì chúng sanh ghét; cái gì thân-thể ưa thì chúng sanh muốn ôm ấp về phảu mình, cái gì thân-thể ghét thì chúng sanh muốn xua đuổi cho kẻ khác; vì vậy nên trong tâm thì đầy những thói tham sân si,

ngoài thân thì làm những nghiệp sát, đạo, dâm, dâm, dâm môi thì phát ra những vọng-ngôn, ý-ngữ, ác-khẩu, lường thiệt, gây ra những nghiệp-dữ rồi về sau phải chịu quả báo dữ trong tam đồ ác đạo.

Chư Phật Bồ-tát thương xót chúng sanh lầm lạc khổ sở nên dạy cho chúng sanh những phép tu tập để cho biết rõ những thân-thê, hoàn-cảnh, bản-lai là vô-sanh, thiết thiết là vô-sanh, để dứt sạch những nguồn gốc mê lầm và trừ diệt các sự khổ não.

Trong Trung-luận, về lý vô sanh, có câu kệ: Nhơn-duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệc danh thị giả danh, diệc danh trung-đạo nghĩa ». Nhơn-duyên sở sanh pháp là gì? Chính là tất cả các sự vật, do các nhân-duyên tạo thành ra vậy. Nhơn là nguyên-nhơn, nghĩa là những cái đối với cái khác, có cái công-năng dẫn sanh ra. Duyên là trợ duyên, nghĩa là những cái có thể giúp đỡ cho Nhơn sanh ra Quả. Ví dụ như một cái bàn, nó cũng phải đủ Nhơn đủ Duyên rồi mới thành cái bàn được. Nhơn của cái bàn tức là các thứ gỗ; gỗ lim thì đóng thành bàn lim, gỗ kiền-kiền thì đóng thành bàn kiền-kiền, như với quả tụy có khác, nhưng cũng đồng một tánh-cách, hễ gỗ lim thì đóng thành bàn lim, chứ không thể nào đóng thành bàn kiền-kiền được. Song một mình gỗ cũng không đủ làm thành cái bàn, muốn đóng cho thành được cái bàn, lại cần phải có nhân-công cụ, xẻ, bào, chuốt, ráp mộng, ghép ván nữa, những nhân-công kia đều là những trợ duyên giúp đỡ cho cái nguyên-nhơn gỗ tạo thành ra cái bàn vậy.

Chúng ta xét như trên thì biết cái bàn là một vật do nhân-duyên sanh ra, tức là một cái nhân-duyên-sở-sanh pháp. Vậy những nhân-duyên-sở-sanh pháp thiết-thiết là thế nào?

Đáp lại câu hỏi ấy, chúng ta nên lập câu kệ thứ hai, tức là câu: «Ngã thuyết tức thị không».

«Ngã thuyết tức thị không» nghĩa là «tôi nói các non duyên-sở-sanh-pháp kia tức là chơn-không».

Trong thế-gian, đối với những non-duyên-sở-sanh-pháp như cái bàn, ai cũng thấy được, ai cũng sờ được, ai cũng dùng được, nghĩa là ai cũng cho nó có những tánh-cách rõ ràng, nó là quyết định thiệt có, mà nay lại nói là chơn-không, thì chi cho khỏi sanh đều nghi hoặc. Vậy đều ấy chúng ta cần phải phân biện cho rõ.

Trước hết chúng ta cần phải nhận rõ thế nào là chơn-không.

Chơn-không không phải là cái vô-hình đối với cái hữu-hình, là cái không đối với cái có. Chơn-không là không có tư-tánh, không có thiệt-thề như bóng trong gương, như trăng dưới nước, dầu in tuồng là có đi nữa, song thiệt ra không có tư-cách gì đáng gọi là có được.

Vi như một toán quân năm trăm người, trong khi dồn lại một chỗ, in tuồng thành một toán quân, nhưng kỳ thiệt thì mỗi người đều có thân-thề, tên họ, chức phận khác nhau, không một ai là toán quân cả. Dầu cho dời người này qua số khác và diển người khác vào, diển mãi như vậy cho đến khi không còn một người cũ đi nữa, mà cái toán quân cũng in tuồng còn nguyên, không thêm không bớt. Nhưng đến khi năm trăm người trong một toán quân làm công việc rồi, ai về nhà nấy, thì toán quân đã không còn, nghĩa là tuy các bộ phận y nguyên mà cái hình-tượng toán quân đã không tồn-tại. Vậy nay chúng ta muốn chỉ ra cho rõ cái thiệt-thề của toán quân là thế nào, thì quyết định không thể chỉ đặng. Thế thì biết cái toán quân do nhiều bộ phận tạo thành, vốn không có thiệt-thề; không có thiệt-thề tức là chơn-không đó vậy.

Theo lý-luận như trên mà nghiệm xét cái bàn thì chúng ta thấy rõ cái bàn do nhiều miếng gỗ ráp lại mà thành; nhưng chúng ta không thể chỉ một miếng gỗ nào là cái bàn cả. Lại gỗ là gỗ chứ đâu phải là bàn, non-công là non-công chứ đâu phải là bàn, chúng ta muốn nghiệm xét cho kỹ, tìm cái thiệt-thề của cái bàn là thế nào thì quyết không thể tìm ra được. Cái bàn đã không có thiệt-thề, thì cái bàn tức là chơn-không vậy. Có người lại nghi rằng: «Cái bàn

đã không có thiệt-thề, cái bàn đã tức là chơn-không, thì vì sao khi chúng ta thấy cái bàn lại liền nhận là cái bàn mà không nói là cái ghế?»; muốn giải chỗ nghi ấy, chúng ta nên lập lại câu kệ thứ ba là câu: «Diệt danh thị giả danh».

«Diệt danh thị giả danh» nghĩa là chỉ có danh từ giả dối, chứ không có thiệt-thề.

Chúng ta không rõ chơn-tánh, trót nhận cái thân này là mình, nên đối đãi với cái thân này, lại có các cảnh-giới xung quanh mình; rồi phân biệt nào là hữu-hình, nào là vô-hình, cho đến nào là xa, nào là gần, nào là lớn, nào là nhỏ, vân vân; cái gì đối với thân này có ngăn ngại thì chúng ta cho là hữu-hình, cái gì đối với thân này không ngăn ngại thì chúng ta cho là vô-hình, cái gì ở bên thân này thì chúng ta cho là gần, cái gì không ở bên thân này thì chúng ta cho là xa, cái gì to hơn thân này thì chúng ta cho là lớn, cái gì bé thua thân này thì chúng ta cho là nhỏ, những cái đó toàn là những danh-từ đối đãi so sánh, do cái tâm phân biệt tạo thành, chứ không có thiệt-thề. Ví như một cái áo, khi chúng ta gây ốm thì cái áo thành rộng, khi chúng ta mập, béo thì cái áo thành hẹp; rộng với hẹp là vì so sánh với thân chúng ta mà thành, chứ không có thiệt-thề. Suy ra chó cùng thì những tiếng to tiếng nhỏ, mùi thơm mùi thối, vị ngon vị dở, sự nóng sự lạnh, vân vân, cũng đều là do cái tâm so sánh của chúng ta tạo thành ra cả; mà đã là so sánh thì khi thân mình lớn thì thấy nhỏ, khi thân mình nhỏ thì thấy lớn, khi thân mình nóng thì nghe lạnh, khi thân mình lạnh thì nghe nóng, đâu có chi đáng gọi là thiệt-thề. Thế mà chúng ta nương theo những cái danh từ lớn nhỏ, cứng mềm, nóng lạnh ấy mà đặt tên cho muôn sự muôn vật. Tự mình đặt tên cho muôn sự muôn vật, rồi tự mình chấp các tên ấy chính là muôn sự muôn vật, các tên ấy là thiệt-thiệt tồn-tại nơi muôn sự muôn vật, rồi chúng ta theo những cái danh-từ ấy mà tham, mà sân, mà si, mà gây nghiệp, mà chịu báo; đó tức là cái mê lăm của chúng sanh, cái mê lăm mà trong kinh Phật thường gọi là vô-minh vậy.

Như chúng ta đã xét, cái bàn vốn không có thiệt-thề, vốn là chơn-không; thế mà chúng ta lại lấy tâm phân biệt

đặt tên là cái bản, rồi quyết định là cái bản, không chịu nhận là chơn-không, không chịu nhận là giả danh, thảo nào chúng ta không đeo đuổi theo cái bản, mà mệt theo cái bản, gây những nghiệp vô-thường rồi chịu cái quả-báo vô-thường khổ sở của chúng sanh đời đời kiếp kiếp.

Cái thói-quen vọng-tưởng đó làm cho chúng ta nhận cái không làm có, nhận cái danh làm thiệt. Muốn sự muốn vật giữa vũ-trụ mà in tưởng thiệt có đây, đều do cái vọng tưởng ấy gây nên mà thôi. Vậy nay chúng ta đã xét rõ cái bản vốn không có thiệt-lhẽ, thì chúng ta cũng nên xé lại trong tự tâm mà biết rằng cái bản hiện trước đây chỉ là cái giả danh do tâm phân biệt của chúng ta tạo thành, chứ không chi khác.

Có người lại hỏi rằng : « Vẫn biết cái bản không có thiệt-lhẽ, cái bản chỉ là giả danh, song biết như vậy nào có lợi-ích chi cho sự tấn-hóa của tâm-tri ? »

Đáp lại câu hỏi ấy, chúng ta nên lập câu kệ thứ tư là câu : « Diệt danh trung-đạo nghĩa. »

Trung-đạo là đường tu tập không chềch-lệch, không thiên về bên Hữu, không thiên về bên Vô vậy. Nếu chúng ta thấy rõ được các pháp toàn là chơn-không, đến khi thiệt-chứng thể chơn-không ấy, thì trong không có tâm, ngoài không có cảnh, còn chi đâu nữa mà ưa ghét buồn sợ, còn ai đâu nữa mà già đau sống chết. Được như vậy thì những nghiệp-chướng tham, sân, si, những lối chấp có thiệt-ngã, chấp có thiệt-pháp mới dứt sạch, và cái tánh chơn-không mới hiện ra rõ ràng minh bạch. Chúng ta cần phải chính nơi tâm với cảnh đối-hiện mà chứng cái tánh chơn không ấy, chứ không phải diệt tâm diệt cảnh mà chứng, như lối tu thiên-không của ngoại-đạo.

Chứng được chơn-không rồi, thì tâm tánh mới vượt ra ngoài các hạn lượng của thời-gian và không-gian và mới được tự-tại giải-thoát. Song giải-thoát như vậy cũng chỉ giải-thoát riêng về phần mình, chứ chưa thiệt đúng với

toàn-thể toàn-dụng rộng lớn của tự-làm. Vì vậy, chúng ta phải chính nơi chơn-không mà hiện các giả-danh, tu hành phép lục độ, dắt dìu các chúng-sanh, đến khi Không tức là Giả, Giả tức là Không thời mới thiết chứng được trung-đạo, nghĩa là chúng được toàn-thể toàn-dụng của tự-làm vậy. Đến khi ấy trên thì đồng-thể với chư Phật, dưới thì đồng-thể với chúng sanh, tùy theo cơ-cảm mà hóa-độ, tùy theo căn-duyên mà ứng hiện, nhưng cũng không lúc nào rời trung-đạo cả.

Toàn-thể các pháp đều là chơn-không, đều là giả-danh, đều là trong-đạo, nên đương khi nhơn-duyên hội-hiệp in tuồng có sanh mà thiết chưa hề có sanh, cái nghĩa «đương sanh bất sanh» đó, chính là đạo-lý «vô-sanh» của Phật-giáo.

Chứng được cái vô sanh trung-đạo ấy rồi thì đối với gia-đình, thị-hiện làm người con thảo, đối với quân-quốc, thị-hiện làm bực trung-thần, không bồn-phận gì là không giữ, không việc lành gì là không làm, mà cũng không lúc nào ra ngoài trung-đạo.

Sanh-diệt là tánh chúng sanh, vô-sanh là tánh giải-thoát, trông mong các nhà tín-đồ Phật-giáo gắng xét tìm trong các kinh điển cho rõ lý vô-sanh đặng vẽ sau tu phép vô-sanh và chứng quả vô-sanh của đạo Phật.

VIÊN-ÂM



ĐẠI-Ý KINH THỦ LĂNG-NGHIÊM

Phật nương nơi kiến-tinh chỉ rõ Như-Lai-Tạng (chơn-tâm)

(tiếp theo)

Phật chình nơi kiến-tinh chỉ ra các món vọng kiến để khai-thị cho biết kiến-tánh tức là Như-lai-tạng tánh

(tiếp theo)

Còn đồng phận vọng kiến là cái vọng-kiến chung của mỗi loài chúng sanh, như đối với người, vọng-kiến nghiệp người là đồng-phận. Đối đãi với thân người, người ta thấy thế kia là núi, thế này là biển rồi cho là thiệt có mà không biết đó chỉ là cái vọng-kiến đồng-phận của nghiệp người mà thôi. Cũng như những người ngu dốt, ở xứ mình thấy mặt trời mọc, quyết định lúc ấy là sớm mai và nghĩ rằng đâu ở nơi nào lúc ấy cũng là sớm mai, mà không biết trên quả địa-cầu, chính trong một lúc đó, có chỗ đã xế chiều, có chỗ đương nửa đêm; chúng sanh cũng vậy, chúng sanh nắm chặt cái tri-kiến của nghiệp mình nên đối với hoàn-cảnh sanh ra lòng chấp trước, mà không rõ tất cả cảnh-giới đều không có thiệt-tánh, chỉ theo nghiệp mà biến hiện.

Một người con mắt lòa thấy xung quanh ngọn đèn có bóng tròn ngũ sắc; mọi người trong một xứ đều lòa thì mọi người đều thấy xung quanh ngọn đèn có bóng tròn ngũ sắc; tuy đồng một bệnh lòa thì đồng thấy bóng tròn, song cái bóng tròn kia vẫn vì bệnh lòa mà có chớ đâu phải thiệt có. Nếu trong ấy có người nhận biết cái bóng tròn do bệnh lòa phát hiện chớ không phải thiệt có thì cái tánh biết mình thấy lòa kia đâu phải là tánh lầm lạc.

Hiện nay chúng sanh xem thấy nào người nào vật, nào núi nào sông đều do vọng-kiến tạo thành, cũng hiện ra in

tuồng là tiền-cảnh mà thiệt chỉ là cái bóng lòa do cái bịnh vọng-kiến biến thành mà thôi.

Biết cái vọng-kiến tức là bịnh lòa thời cái tâm biết là lòa đó quyết không có bịnh ; giác được các món sở-giác là lòa, thì cái giác đầu phải trong phạm-vi cái lòa ; được như vậy mới thiệt là thấy rõ tánh chơn-thật của cái thấy, trong ấy đầu còn những lối tri-kiến hư vọng.

Chúng sanh không rõ bản-tánh viên-dung chia ra có năng-kiến và sở-kiến, sở-kiến ví như cái bóng lòa, năng-kiến ví như con mắt lòa, nếu chúng sanh chứng được bản-tánh viên-dung thì nào khác chi những người nhận biết là lòa, tánh ấy quyết định không phải là cái tánh có bịnh.

Vô-thỉ, vô-thỉ, chúng sanh theo cái vọng-kiến mà cử tâm động niệm, cái bịnh hư-vọng nơi kiến-văn-giác-tri của tự-tâm bển hiện ra thân ra cảnh, nhưn-duyên hòa-hiệp thì có sanh, nhưn-duyên chia rẽ thì có tử. Nếu chúng sanh biết là hư-vọng, ly hẳn các tướng hòa-hiệp với bất-hòa-hiệp, thời sanh không có gì đáng gọi là sanh, tử không có gì đáng gọi là tử, duy một tánh diệu-giác thanh-tịnh bản-nhiên thường-trụ bất diệt.

VIÊN-ÂM

(còn nữa)



經
首楞嚴經

(續)

阿難汝雖先悟本覺妙明性非因緣非自然性而猶未明如是覺元非和合生及不和合。

阿難吾今復以前塵問汝汝今猶以一切世間妄想和合起者則汝今者妙淨見精爲菩提心和爲與暗和爲與明和爲與明和者且汝觀明當明現前何處雜見見相可辨雜何形像若非見者云何見和見必異明雜則失彼性明各字雜亦復如是。

復次阿難又汝今者妙淨見精爲與明合爲與暗合爲與明相已滅此見卽不與諸暗

復次阿難又汝今者妙淨見精爲與明合爲與暗合爲與明相已滅此見卽不與諸暗

合云諸此和復明和汝見際其及合若耳所通
暗明及惟非吾非塞畔在明知通明合如相與
與見通思慮合爲非邊見若不與非塞角明暗
不與我念和者爲有是難自暗爲非爭知彼
時既暗如心非合和必處阿及彼者爲相不理
暗明彼尊及覺和通明何相成合合性且合是
見見暗)世塵言非非與明不何是和通明見非如
若非非是)言緣又精爲見是畔則云如非非與觸合復
暗應明如佛諸今見和則處爲者畔復精爲見相明亦
見者了復白與)汝妙暗和何何見在亦見合則不甄塞
何合合亦難元)言此非明觀自無所塞妙暗合了何群
云明明塞阿覺耶)佛汝爲非諦明必相群又非明明云諸
合與何群妙合問和若且在中明諸爲非與在及

幻稱至因妄來性，了
諸妄乃界，虛如如死，
塵幻是八離本真生
浮盡如十別來妙悟
一切滅體，至緣去圓迷
一處明處，因滅周來
明隨覺十二生，動去
未生妙十有知不於
猶出爲從妄能明求
汝處真入虛不妙中，
難當性六合殊住常得
阿相其陰和滅常真所
化相五緣名藏性無

(未完)

KINH ĐIỂN-ÂM

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH (Suramgama)

TỤC

A-Nan, như tuyền ngộ bản-giác diệu-minh, tánh phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh, nhi do vị minh như thị giác nguyên phi hòa hợp sanh cập bất hòa hợp.

A-Nan, ngộ kim phục dĩ tiền trần vân như. Như kim do dĩ nhưt thê Thê-gian vọng-tướng hòa hợp chư nhơn duyên tánh, nhi tự nghi hoặc chứng Bồ-đề-tâm hòa hợp khổ giả, tác như kim giả diệu tịnh kiến tinh, vi dữ minh hòa, vi dữ ám hòa, vi dữ thông hòa, vi dữ tác hòa ?

Nhược minh hòa giả, thã như quan minh, đương minh hiện tiền, hà xứ tạp kiến? kiến tướng khả biện, tạp hà hình tượng? Nhược phi kiến giả, vân hà kiến minh? Nhược tức kiến giả, vân hà kiến kiến? tất kiến viên mãn, hà xứ hòa minh? nhược minh viên mãn, bất hợp kiến hòa. Kiến tất dị minh, tạp tác thật bỉ tánh minh danh tự; tạp thật minh tánh, hòa minh phi nghĩa. Bị ám dữ thông cập chư quán tác, diệt phục như thị.

Phục thứ. A-Nan, hựu như kim giả diệu-tịnh kiến-tinh, vi dữ minh hợp, vi dữ ám hợp, vi dữ thông hợp, vi dữ tác hợp? Nhược minh hợp giả, chí ư ám thời-minh tướng dĩ diệt, thử kiến tức bất dữ chư ám hợp, vân hà kiến ám? Nhược kiến ám thời, bất dữ áo hợp, dữ minh hợp giả, ưng phi kiến minh; kỳ bất kiến minh

vân hà minh hợp, liễu minh phi ám? Bì ám dữ thông, cập chư quán tác, diệc phục như thị.»

A-Nan bạch Phật ngôn: «Thế-Tôn, như ngã tư duy: Thử diệu giác-nguyên dữ chư duyên-trần cập tâm niệm lực, phi hòa hợp dữ?»

Phật ngôn: «Nhữ kim hựu ngôn giác phi hòa hợp, ngô phục vân như. Thử diệu kiến tinh phi hòa-hợp giả, vi phi minh hòa, vi phi ám hòa, vi phi thông hòa, vi phi tác hòa? Nhược phi minh hòa, tác kiến dữ minh tất hữu biên bạn; như thả đề quán hà xứ thị minh, hà xứ thị kiến; tại kiến tại minh tự hà vi bạn? A-Nan, nhược minh tế trung tất vô kiến giả, tác bất tướng cập, tự bất trí kỳ minh tướng sở tại, bạn vân hà thành? Bì ám dữ thông cập chư quán tác, diệc phục như thị.

Hựu diệu kiến-tinh phi hòa hợp giả, vi phi minh hợp, vi phi ám hợp, vi phi thông hợp, vi phi tác hợp? Nhược phi minh hợp, tác kiến dữ minh, tánh tướng quai giác, như nhĩ dữ minh, liễu bất tương xúc, kiến thả bất trí minh tướng sở tại, vân hà chơn minh hợp, phi hợp lý? Bì ám dữ thông cập chư quán tác, diệc phục như thị.

A Nan, như do vị minh như thể phù trần chư huyền hóa tướng, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, huyền vọng xưng tướng, kỳ tánh chơn vi diệu giác minh thể. Như thị nại chí ngũ âm, lục nhập, từng thập nhị xứ, chí thập bát giới, như duyên hòa hợp hư vọng hữu sanh, như duyên biệt ly hư vọng danh diệt, thủ bất năng tri sanh diệt khứ lai bản như-lai tạng thường trụ diệu minh bất động châu viên diệu chơn như tánh; tánh chơn thường trung, cấu u khứ, lai, mê, ngộ, sanh, tử, liễu vô sở đắc.

(Vi hoàn)



Kinh Diển Nghĩa

KINH THỨ-LĂNG NGHIÊM (Suramgama)

(Tiếp theo)

Ông A-Nan, ông tuy đã ngộ cái tánh bản-giác diệu-minh là phi-nhơn-duyên, phi-tự-nhiên, song ông còn chưa rõ cái tánh giác như vậy là phi-hòa-hiệp sanh (1) và phi-bất-hòa-hiệp (2). Ông A-Nan, nay tôi lại cũng chính nơi tiền-trần mà hỏi ông. Ông nay đương còn vin theo các tánh nhơn-duyên hòa-hiệp của tất cả các vọng-tướng thế-gian mà tự lầm lạc nghi ngờ rằng chúng tâm Bồ-Đề cũng do hòa-hiệp mà phát-khởi, thời như hiện nay cái diệu-kiến-tinh của ông là hòa cùng cái sáng, là hòa cùng cái tối, là hòa cùng cái thông (3) hay là hòa cùng cái tắc (4) ?

Như nói hòa cùng cái sáng thì hiện ông thấy sáng, vậy nơi cái sáng đương hiện trước đó, cái thấy xen lộn vào chỗ nào? Cái kiến (cái thấy) và cái tướng (cái bị thấy,) thì có thể rõ được, còn cái hình-trạng xen-lộn kia là gì? Như nó là phi cái thấy thì làm sao lại thấy sáng, như nó là tức cái thấy thì làm sao lại thấy cái thấy; còn như cái thấy là viên-mãn thì còn chỗ nào hòa được với cái sáng, như cái sáng là viên-mãn thì không lẽ cái thấy hòa vào được. Lại nếu như cái thấy quyết định là khác hẳn với sáng, thì đến khi xen lộn, nó phải làm mất

1) Phi hòa-hiệp-sanh là hẳn không phải hòa-hiệp mà sanh; hòa như đường hòa với nước, thành ra nước đường; hiệp như các tấm gỗ ghép lại thành ra bộ ván.

2) Phi bất-hòa-hiệp là hẳn không phải là chẳng hòa-hiệp.

3) Thông là rộng suốt như hư-không.

4) Tắc là ngăn bít như vách, tường, cây cối.

tánh-cách của cái sáng; cái sáng xen lộn đã mất tánh-cách thì lại không lẽ còn nói được là hòa với cái sáng. Đối với cái tối, cái thông và các cái tắc, lý nghĩa cũng như vậy, không thể nói là hòa được.

Ông A-Nan, lại như ngày nay cái diệu-tĩnh kiến-tĩnh của ông là hiệp cùng cái sáng, hiệp cùng cái tối, hiệp cùng cái thông, hay hiệp cùng cái tắc. Như nói hiệp cùng cái sáng thì đến khi tối, cái sáng đã diệt rồi, cái thấy kia tất không thể hiệp với các cái tối thì làm sao lại thấy được cái tối. Nếu như khi thấy cái tối mà không hiệp cùng cái tối, thì khi hiệp cùng cái sáng, lẽ ra không thể thấy được cái sáng; mà đã không thấy cái sáng thì làm sao lại gọi rằng hiệp với cái sáng, và biết được cái sáng không phải là cái tối?

Đối với cái tối, cái thông và các cái tắc, lý nghĩa cũng đồng như vậy ».

Ông A-Nan bạch Phật rằng: « Thưa đức Thế-Tôn, theo ý tôi suy nghĩ, cái diệu-giác-nguyên (1) ấy đối với các duyên trần (2) và các lòng nhớ nghĩ là phi-hòa-hiệp chẳng? »

Phật dạy: « Nay ông lại nói cái tánh-giác là phi-hòa-hiệp, tôi hãy hỏi ông: cái diệu-kiến-tĩnh ấy nếu là phi-hòa-hiệp thì nó phi-hòa với sáng, phi-hòa với cái tối, phi-hòa với cái thông hay phi-hòa với cái tắc? Nếu như nó phi-hòa với cái sáng thì cái thấy và cái sáng phải có bờ cõi; vậy ông hãy chín xét chỗ nào là cái sáng, chỗ nào là cái thấy, nơi hai cái đó lấy gì làm giới-hạn. Nay ông A-Nan, như ở bên cái sáng chắc không có cái thấy và hai cái ấy không xấp nhau, thì tự ông đã chẳng biết cái sáng ở chỗ nào, làm sao còn lập được giới-hạn. Đối với cái tối, cái thông và các cái tắc, lý nghĩa cũng như vậy.

Lại cái diệu-kiến-tĩnh nếu là phi-hòa-hiệp thì nó là phi-hiệp với cái sáng, phi-hiệp với cái tối, phi-hiệp với cái thông

1) *Diệu-giác-nguyên* là cái tánh bản-lai là diệu, là giác; nhiệm màu không thể nghĩ ngợi được nên gọi là diệu; không phải không tri-giác như cây cỏ nên gọi là giác.

2) *Duyên-trần* là sáu môn trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, làm canh sở duyên cho các căn.

hay phi-hiệp với cái tắc ? Như nó phi-hiệp với cái sáng thì cái thấy đối với cái sáng, tánh trái nghịch nhau, như cái nghe và cái sáng, hẳn không chạm nhau được ; đã vậy thì cái thấy còn không thể biết được cái sáng ở chỗ nào, làm sao lại phát-minh được những lẽ hiệp và phi-hiệp. Đối với tối, cái thông và các cái tắc, lý nghĩa cũng như vậy.

Ông A-Nan, ông còn chưa biết hết thấy các tướng huyền-hóa nơi phù-trần, đương xứ mà phát-sanh (1), tùy-xứ mà diệt hết (2), huyền-vọng gọi là các tướng mà cái tánh vốn thiệt là thể diệu-giác-minh. Như vậy cho đến ngũ-ấm, lục-nhập, từ thập-nhi-xứ tới thập-bác-giới, nhơn-duyên hòa-hiệp, hư-vọng như có sanh, nhơn-duyên chia rẽ, hư-vọng gọi rằng diệt, đâu có biết dầu sanh, dầu diệt, dầu khứ, dầu lai, vốn thiệt là tánh diệu-chơn-như bất-động châu-viên thường-trú diệu-minh (3) của như-lai-tạng ; trong tánh-chơn-thường (4) ấy, cầu những tướng khứ, lai, mê, ngộ, sanh, tử, rốt ráo không thể đặng.

(còn nữa) VIÊN-ÂM

1) *Đương-xứ mà phát-sanh* nghĩa là chính nơi chỗ vọng-niệm phân-biệt, liền nơi chỗ vọng-niệm phân-biệt mà phát-sanh ra.

2) *Tùy-xứ mà diệt hết* là theo chỗ vọng-niệm đó mà liền diệt với vọng-niệm. Vì các tướng, khi vọng-niệm phân-biệt phát-sanh, thì liền theo mà sanh, khi vọng-niệm phân-biệt biến-diệt thì liền theo mà diệt, nên gọi rằng đương-xứ mà phát-sanh, tùy-xứ mà diệt hết.

3) *Tánh diệu-chơn-như bất-động châu-viên thường-trú diệu-minh.* — Tánh của Như-lai-tạng không thể nghĩ ngợi được nên gọi là diệu, không có hư-vọng nên gọi là chơn, không có sai khác nên gọi là như. Tánh diệu-chơn-như ấy không thể lay động nên gọi là bất-động ; trùm khắp mười phương không có hạn-lượng nên gọi là châu-viên ; không thêm không bớt, không sanh không diệt nên gọi là thường-trú, không có bất-giác và thường tùy duyên biến hiện, nên gọi là diệu-minh.

4) *Tánh chơn-thường.* — Chơn-thường là tánh, tánh là chơn-thường, chơn-thường là chơn-thường của diệu-chơn-như-tánh diệu-chơn-như-tánh bản-tánh là chơn-thường nên gọi là tánh chơn hườ ng.

Ai tin

Ngày mồng 4 tháng 10 năm nay tức là 17 Novembre 1936, khi 8 giờ tối, ngài Hòa-Thượng **GIÁC-TIÊN** đã thị-tịch tại chùa Trúc-Lâm.

Các vị Đại-đức trong Sơn-Môn, các Hội viên Hội Phật-Học và các đệ-tử của ngài đều ngày mồng 5 khi 3 giờ chiều đã làm lễ nhập-quang và đến ngày mồng chín khi 3 giờ chiều thì làm lễ nhập-tháp.

Các vị Đại-Đức trong Chư-sơn và các thiện tín đến dự lễ rất đông, lại có các Hội Phật giáo trong Nam ngoài Bắc và các Chi-Hội đều có thơ chia buồn, có lễ phúng diêu hoặc có thiết lễ cầu nguyện tại Hội-quán.

Hội Annam Phật Học chúng tôi đối với các Hội đồng chí chí xiết cảm tạ và thành tâm cầu nguyện cho sự liên lạc của các Hội Phật Học ở cõi Đông Dương ngày càng khăng khít.

Ngài Hòa-Thượng **GIÁC-TIÊN** là một vị Đại-Đạo-Sư sáng lập ra Annam Phật Học Hội, công đức của ngài về việc hoằng-pháp của Hội thật là vô biên vô lượng.

Đối với công đức ấy, Hội chúng tôi chỉ biết thành tâm cầu nguyện cho ngài Đại Đạo Sư vàng sanh Cực-Lạc thế-giới.

Sở Viên Âm ký sau xin đăng lược-sử và tiêu chiếu của ngài và bài tường thuật về lễ tông-chung.

Annam Phật-Học-Hội

Nguyễn sanh Tây-phương

Tịnh-Độ-trung,

Cửu phẩm liên hoa

vi phụ mẫu.

Hoa khai kiên Phật

Ngộ vô sanh,

Bất thời Bồ-tát

vi bạn lữ.



LUÂN HỌC

入 識 規 矩 頌

BÁT-THỨC QUI-CU TỤNG

(Lời tụng bát-thức qui-củ)

(tiếp theo)

第 八 識 頌

ĐỆ-BÁT-THỨC TỤNG

(Lời tụng về thức thứ tám)

性 唯 無 覆 五 徧 行

TÁNH DUY VÔ PHÚ NGU BIẾN HÀNH

(Tánh duy là vô-phú vô-ký, tám-sở chỉ có 5 món biến-hành)

Giải nghĩa.—Đệ-bát-thức tức là tàng-thức, gồm có ba nghĩa :

- 1) *Nhân-giảng* tức là cái thức-thể hay chứa chủng-tử của các pháp.
- 2) *Sở tàng* nghĩa là chỗ tích-tàng của tất cả các pháp.
- 3) *Ngã-ái chấp tàng* là cái tàng bị ngã-ái của thất-thức chấp làm nội-ngã.

Đủ ba nghĩa ấy mới gọi là tàng-thức.

Tánh của đệ-bát-thức chỉ là vô-phú vô-ký; đệ-bát-thức theo nghiệp mà sanh chớ không gây nghiệp, nên gọi là vô-ký; lại đệ-bát-thức bình-đẳng bình-đẳng không bỏ một pháp nào, không trái với một pháp nào, không phải thiện, không phải ác nên gọi là vô-ký. Lại đệ-bát-thức thì không phải

niêm, không tương-ung với các tâm - sở mê lầm, không mê-chấp các cảnh-giới, nên gọi là vô-phú.

Đệ-bát-thức chỉ tương-ung với 5 món biến-hành tâm - sở là tác-ý, xúc, thọ, tưởng, tư; 5 tâm-sở ấy cũng đồng một tánh vô-phụ vô-ký với tâm-vương. Đệ bát-thức chỉ là hiện-lượng, nhiệm-vận duyên với hiện-cảnh, nên không tương-ung với biệt-cảnh tâm-sở; lại đệ-bát-thức là vô-phụ vô-ký nên không tương-ung với thiện-tâm-sở và ác-tâm-sở; lại đệ-bát-thức chỉ duyên với tánh-cảnh, trong niệm niệm chỉ duyên với hiện - cảnh chứ không duyên với các danh - ngôn nên không tương-ung với bất-định tâm-sở.

界地隨他業力生

GIỚI ĐỊA TÙY THA NGHIỆP LỰC SANH

(Trong tam-giới cửu-địa, thức này toàn theo nghiệp-lực của các cõi mà sanh)

Giải nghĩa.— Đệ-bát-thức là vô-phụ vô-ký, tự mình không gây nghiệp, chỉ theo sức luân-tập của các nghiệp lành nghiệp dữ và theo cái quả dị-thực của các nghiệp ấy mà thụ-sanh cõi này cõi khác. Đệ-bát-thức đã sanh vào cõi nào rồi thì cứ phát-khởi như thức của cõi ấy cho đến khi xả-thân, chứ không như đệ-lục-thức, tuy sanh trong một cõi mà có thể phát-khởi ra thức cõi khác, tạo ra nghiệp cõi khác vậy.

Trong tám thức, đệ-bát-thức toàn theo nghiệp-lực, đệ-thất-thức toàn không theo nghiệp-lực, đệ-lục-thức duy có một phần dị-thực-sanh là theo nghiệp-lực, năm thức trước duy có một phần tương-ung với thiện-ác tâm-sở là không theo nghiệp-lực.

二乘不了因迷執

NHỊ THỪA BẤT LIÊU NHƠN MÊ CHẤP

由此能興論主諍

DO THƯ NĂNG HÙNG LUẬN CHỦ TRANH

(Hàng nhị-thừa không rõ, nhơn đó mê chấp rằng không

có đệ-bát-thức, vì vậy mà dấy lên sự tranh-luận của các bậc luận-chủ đại-thừa để phá cái mê-chấp ấy).

Giảng nghĩa. — Kinh Giải-thâm-mật có câu : « Thức A-đa-na rất sâu-nhiệm, hết thầy chúng-tử như giòng nước dốc, ta đối với kẻ phạm-ngu không khai diễn vì e bọn kia phân biệt chấp làm ngã ». Thức A-đa-na tức là đệ-bát-thức, hành-tướng rất nhỏ-nhiệm, rất khó rõ biết, hết thầy các chúng-tử sanh diệt nối luôn như giòng nước dốc, mới ngó tưởng là yên lặng mà thiệt ra thì thay đổi rất mau chóng ; Phật đối với kẻ phạm-phu và hàng ngu pháp Thanh-văn, không chỉ bày thức ấy vì e họ lại phân biệt lầm chấp đó là ngã. Phật đã không chỉ bày đệ-bát-thức cho hàng Thanh-văn nên trong các kinh tiểu-thừa, tuy ý Phật lắm khi cũng có nói đến nhưng chưa minh bạch chỉ thức ấy ra ; vì vậy mà hàng nhị-thừa không rõ được thức ấy, Huống nữa chỗ chứng của nhị-thừa chỉ đoạn được phiền-não-chương, chỉ làm cho đệ-thất-thức không tương-ung với nhơn-ngã-si, nhơn-ngã-kiến, nhơn-ngã-mạng, nhơn-ngã-ái và thường tương-ung với vô nhơn-ngã-trí, nên không thể rõ được đệ-bát-thức.

Phật đối với căn-cơ tiểu-thừa không nói đến đệ-bát-thức, nhưng đối với căn-cơ đại-thừa thì Phật lại thường thường nói đến luôn để dạy hàng đại-thừa tu chứng nhưt-thể-chủng-trí. Khi Phật mới nhập-diệt, đại-thừa tiểu-thừa vẫn một mặt hòa-hiệp, nên các hàng tiểu-thừa tuy không rõ là có đệ-bát-thức nhưng cũng không bắt là không có đệ-bát-thức. Về sau, có nhiều nhà luận sư tiểu-thừa vì không rõ sanh ra mê-chấp, bắt không có đệ-bát-thức cho đến bắt cả các kinh-diễn đại-thừa, nên các vị luận-chủ đại-thừa mới tạo luận thuyết lý để chỉ rõ ràng đệ-bát-thức là thiệt có. Theo Thành-đuy-thức luận thì có 10 lý như sau này :

1) *Tri chủng 持種* . — Trong kinh tiểu-thừa Phật có dạy rằng chỗ chứa nhóm của chúng-tử các pháp nhiệm-tịnh thì gọi là tâm. Vậy nếu không có đệ-bát-thức thì lấy cái gì làm cái tâm tri-chủng (nắm giữ chúng-tử).

2) *Dị-thục 異熟* . — Trong kinh tiểu-thừa, Phật dạy rằng có cái tâm dị-thục do nghiệp lành dữ chiêu cảm ; nếu không có đệ-bát-thức thì lấy cái gì làm cái tâm dị-thục.

3) *Thú sanh* 趣生. — Kinh lại nói rằng loài hữu-tinh lưu-chuyển trong ngũ-thú tứ-sanh, nếu không có đệ-bát-thứ thì biết lấy gì làm thú-sanh thế.

4) *Thọ giả* 受者. — Kinh nói: có sắc-căn-thân là có chấp-thọ; nếu không có đệ-bát-thứ thì lấy cái chi làm cái năng-chấp-thọ.

5) *Thức giả* 識者. — Trong kinh nói ba món thọ, hoãn, thức, y-tri cùng nhau mà dặng tương-tục; nếu không có đệ-bát-thứ thì lấy cái chi làm chỗ y-tri cho thọ với hoãn.

6) *Sanh tử* 生死. — Kinh nói: các loài hữu-tinh khi sanh-mạng hết rồi thì an-trú nơi tán-tâm; nếu không có đệ-bát-thứ thì trong khi mê mang không biết hoặc trong khi chết, còn biết lấy cái gì làm tâm nữa.

7) *Duyên-giả* 緣者. — Kinh nói: thức duyên danh-sắc; nếu không có đệ-bát-thứ thì lấy thức gì mà duyên với danh-sắc.

8) *Y-thực* 依食. — Trong kinh có nói hết thấy các loài hữu-tinh nương theo bốn món Thực mà tồn-tại; nếu như không có đệ-bát-thứ thì lấy cái gì làm thức-thực.

9) *Diệt định* 滅定. — Kinh nói: khi nhập diệt-tận-định, các Hành về thân, về ngữ, về tâm, không có cái Hành gì là chẳng diệt, mà thọ, hoãn vẫn còn, căn không biến nát, thức không ly thân; vậy khi nhập diệt-tận-định, ý đã không phát-khởi thì cái « thức không ly thân » đó là cái gì nếu không phải là đệ bát-thứ.

10) *Nhiễm-tịnh*. — 染淨 Kinh nói: vì tâm tạp-nhiễm nên hữu-tinh tạp-nhiễm, vì tâm thanh-tịnh nên hữu-tinh thanh-tịnh; nếu không có đệ-bát-thứ thì lấy gì làm cái tâm nhiễm-tịnh.

Do 10 lý ấy, nên rõ thiệt có đệ-bát-thứ, như trong luận Thành-duy-thức đã giải bảy minh bạch,

浩浩三藏不可窮

Hạo hạo tam tạng bất khả cùng

(Lộng lộng ba tạng không thể cùng)

Giảng nghĩa. — Ba tạng là năng-tàng, sở-tàng và ngã-ái chấp-tàng; thể của tạng-thức rộng lớn bao hàm, không thể cùng tột được.

Đệ-bát-thức là vô-phú vô-ký, thường nổi luôn không dục, có cái năng-lực trùm chứa chũng-tử của tất cả các pháp nên gọi là năng-tàng. Đệ-bát-thức như một cái kho, chứa tất cả các hạt giống, tùy theo bầy món chuyển-thức trước huân-tập thế nào thì đệ-bát-thức đều giữ các chũng-tử thế ấy, không có lựa chọn, nên gọi đệ-bát-thức là sở-tàng, nghĩa là chỗ sở-tàng của các chũng-tử. Lại đệ-thất-thức thường duyên với đệ-bát-thức, hằng-thâm tư-lương đệ-bát-thức là ngã và chấp quyết định đệ-bát-thức là ngã, nên gọi đệ bát thức là ngã-ái-chấp-tàng. Cái tên sau này là cái tên riêng của A-lại-da-thức.

淵深七浪境爲風

Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong

(Nơi nguồn sâu đệ-bát-thức, cảnh-giới làm gió, nổi ra các sóng là bầy món chuyển thức)

Giải nghĩa. — Kinh Lăng-già có câu: « Tàng thức hải thường trú, cảnh giới phong sở động, chũng chũng chũn thức-lãng, dẳng dục nhi chuyển sanh » nghĩa là cái biển tạng-thức thường trú, gió cảnh-giới làm động, món món các sóng thức, sôi nổi mà chuyển biến sanh ra. Đệ-bát-thức vẫn đủ kiến-phần, tướng-phần, chỉ vì vô-minh bất-giác, không rõ tánh duy-thức, chấp tướng-phần là ngoại-cảnh, nên theo duyên của ngoại-cảnh hư vọng mà chuyển biến ra bầy thức trước cũng như nước biển vì gió mà nổi sóng; song nước tức là sóng, sóng tức là nước, các thức kia vẫn không ngoài đệ-bát-thức; vì vậy nên đệ-bát-thức cũng có tên là căn-bản-thức.

爰薰特種根身界

Thọ huân trì chủng căn thân khí

去後來先作主公

Khứ hậu lai tiên tác chủ công

(Đệ-bát-thức chịu huân tập, trì chũng-tử, biến sanh căn thân và khí giới, đi sau tới trước làm ông chủ trong khi chịu quả báo theo nghiệp đời trước)

Giải nghĩa. — Hai câu này nói về các công-dụng của đệ-bát-thức, chia ra năm phần:

1) *Chiu-huân-tập*. — Huân nghĩa là xông ướp, ví như cục than không phải thơm, không phải thúi, bề xông ướp bằng đồ thơm thì có mùi thơm, xông ướp bằng đồ thúi thì có mùi thúi; đến như các đồ thiệt thơm thiệt thúi thì khó lòng xông ướp cho đổi ra mùi khác. Tập nghĩa là tập thành thói quen. Các nghiệp thường làm, tập thành những thói quen thiện ác nơi đệ-bát-thức, có thể sánh với sự xông ướp lâu ngày sanh ra mùi thơm mùi thúi nên gọi là huân-tập.

Phải đủ bốn nghĩa mới có thể chịu huân-tập:

a) *Kiên-trú-tánh 堅住性*. — Kiên-trú-tính là cái tánh tồn tại không nát, nghĩa là thường-trú chắc thiết không có gián đoạn. Ví như xông-ướp thì cần phải lựa những vật chắc tồn tại mới có hiệu-quả, chớ nếu xông ướp gió hay xông ướp ánh-sáng thì không thể có hiệu-quả; một cái chịu huân-tập cũng cần phải có tánh chắc thiết và thường-trú.

b) *Vô-ký-tánh 無記性*. — Phải có tánh vô-ký mới chịu huân-tập đủ cách, dầu về thiện hay về ác, cũng như phải một vật không có mùi mới dễ xông ướp ra mùi thơm mùi thúi.

c) *Khả-huân-tánh 可薰性*. — Là cái tánh có thể chịu huân-tập. Đệ-bát-thức tánh là vô-phú, rộng rãi thua thớt, lại là tâm-vương nên có thể huân-tập chớ không phải cứng-chắc như vô-vi, hữu-phú như đệ-thất-thức, phụ-lùng như các tâm-sở.

d) *Dĩ-năng-huân cộng hòa-hiệp-tánh 與能薰共和合性* — Là cái tánh hòa-hiệp cùng các món năng-huân. Năng-huân là bảy món thức trước; sở-huân là đệ-bát-thức, hai cái có hòa-hiệp cùng nhau mới huân-tập được; cũng như phải để các vật có mùi thơm thúi gần bên cục than mới xông ướp cục than được. Vì lẽ ấy mà việc của một người này làm, không huân-tập được đệ-bát-thức của người khác.

Tánh chịu huân-tập là tánh đặc-biệt của đệ-bát-thức; các thức trước có gián-đoạn, thất-thức là hữu-phú nên không thể chịu huân-tập. Đệ-bát-thức có cái công-năng chấp tri

các chủng-tử và chịu luân-tập. Còn các thức trước là những thức hay luân-tập đệ-bát-thức, vì đủ bốn nghĩa :

a) *Hữu sanh-diệt*. — Những pháp *Sanh-diệt vô-thường* mới có tác dụng và mới có thể sanh ra tập-khi.

b) *Hữu-thắng-dụng*. — Là có thế-lực mạnh mẽ mới sanh ra tập-khi.

c) *Hữu tăng-giảm*. — Là có thêm có bớt mới sanh ra tập-khi.

d) *Dữ sở luân hòa-hiệp*. — Nghĩa là phải hòa-hiệp với đệ-bát-thức mới sanh ra tập khi.

2) *Tri-chủng-tử*. — Chủng-tử tức là tập-khi, là thói quen, nghĩa là các công-năng sai khác trong đệ - bát - thức, có thể sanh ra cái quả của mình. Chủng-tử đây là các tập-khi nơi đệ-bát thức, là nội-chủng-tử, chứ không phải như các giống ngoại-chủng-tử đâu. Các giống ngoại-chủng-tử như hạt giống lúa, hạt giống bắp, chỉ là giả danh, thiệt ra đều là duy - thức biến-hiện. Chủng-tử có sáu nghĩa :

a) *Sát-na-diệt* 刹那滅 — Chủng-tử là pháp-hữu-vị, vừa sanh đã diệt, thường thường chuyển biến, nên mới sanh ra các pháp.

b) *Quả cụ hữu* 果俱有 — Chủng-tử làm nhơn, các pháp hiện-hạnh 現行 làm quả, nhơn với quả hiện-hiện hòa hiệp mới là chủng-tử. Hiện-hiện có ba nghĩa là hiện-hiện, hiện-tại và hiện-hữu; hiện-hiện về phần quả, hiện-hữu về phần nhơn, hiện-tại thông cả nhơn và quả. Chủng - tử với hiện-hạnh phải hòa-hiệp, nghĩa là phải không rời nhau; vậy chủng-tử với hiện-hạnh phải đồng-thời mới được. Chủng-tử sanh hiện-hạnh thì chủng-tử với hiện-hạnh là đồng thời; hiện-hạnh luân tập thành chủng-tử thì hiện-hạnh với chủng-tử cũng đồng-thời; duy có chủng-tử sanh chủng-tử là dị-thời, nghĩa là chủng-tử tuy vừa sanh đã diệt, nhưng diệt rồi lại sanh, không có gián đoạn, đầu đã sanh hiện-hạnh, hay chưa sanh hiện-hạnh cũng vậy.

c) *Hằng tùy chuyển* 恆隨轉. — Hằng tùy-chuyển nghĩa là từ vô-thỉ cho đến địa vị cứu-cánh, chủng-tử như-loại tương-

tục không xen hở. Nhất-loại có nhiều nghĩa là thọ (khổ, lạc, xã) không thay đổi, tánh (thiện, ác, vô-ký) không thay đổi, cảnh-giới không thay đổi, nối luôn mãi mãi không thay đổi. Vì đó nên trừ ra đến địa-vị cứu-kính, chủng-tử không hề gián-đoạn.

d) *Tánh quyết định* 性決定.—Nghĩa là chủng-tử có công-năng quyết định, chủng-tử ác thì sinh ác pháp chủng-tử thiện thì sinh thiện pháp chớ không thể xen lộn.

đ) *Đãi-chúng-duyên* 待眾緣.—Tuy chủng-tử sanh được tự-quả, nhưng phải đợi đủ các duyên mới sanh được. Các duyên là nhơn-duyên, đấng-vô-gián-duyên, tăng-thượng-duyên, sở-duyên duyên.

f) *Dẫn tự quả* 引自果.—Dẫn-tự-quả là nhơn nào sanh quả ấy; chủng-tử nhân-thức thì sanh hiện-hạnh nhân-thức, chủng-tử niệm-tâm-sở thì sanh hiện-hạnh niệm-tâm-sở, chớ không thể sanh quả khác được.

Do chủng-tử có sáu nghĩa ấy, nên trong đệ-bát-thức lúc nào cũng đủ các chủng-tử sai khác, tuy đủ các chủng-tử sai khác, nhưng tùy theo chỗ huân-tập, có chủng-tử đủ sức đủ duyên mà sanh được hiện-hạnh. Lại có chủng-tử không đủ sức đủ duyên nên không sanh được hiện-hạnh. Đối với chỗ sanh ra hiện-hạnh, các chủng-tử lại có thể chia ra hai phần:

a) *Danh-ngôn vô-ký chủng-tử*.—名言無記種子.— Là các công-năng vô-ký về phần danh-ngôn, như sắc, không, hữu vô, vân vân, thường sanh quả mãi mãi cho đến địa-vị cứu-kính.

b) *Thiện-bất-thiện chủng-tử* —善不善種子.— Là cái công-năng về các nghiệp lành dữ, tuy sanh ra quả nhưng vẫn hữu hạn. Song nói như vậy là chỉ nói về phần sanh ra quả, chớ chưa nói về thể-tánh của chủng-tử.

Song các chủng-tử như vậy là bản-lai sẵn có nơi đệ-bát-thức, hay là vì mới huân-tập mà có? Trong đệ-bát-thức bản-lai vẫn đủ tất-cả các chủng-tử, song vì huân-tập nên có chủng-tử đủ sức đủ duyên mà sanh hiện-hạnh; lại có chủng-tử không đủ sức đủ duyên, nên không sanh hiện-hạnh; đến khi

các chủng-tử không thể đủ sức đủ duyên mà sanh hiện-hạnh, được nữa thì gọi là diệt, nhưng thiệt ra cái thể của chủng-tử vẫn chưa diệt. Đến Phật-địa thời hết thấy các chủng-tử đều chuyển thành nhưt thể tri-tri.

3) *Biển-sanh căn-thân*.—Căn-thân của các loài hữu-tình do đệ-bát-thức biển-sanh và chấp thọ làm chánh-báo, từ khi nhập thai cho đến khi mạng chung, thường chấp tri cái thân ấy, khiến cho khỏi bị hư nát.

4) *Biển-thành khí-giới*.—Khí-giới là các cảnh-giới bề ngoài: trời đất núi sông, cỏ cây nhà cửa, vân vân. Cảnh - giới ấy, mỗi nghiệp biến ra mỗi khác, làm chỗ y-trú của căn - thân nên gọi là y-báo; song ngoài thức ra, thiệt không có gì là ngoại-cảnh, nên biết tất cả ngoại-cảnh đều duy-thức biến hiện.

5) *Đi sau tôi trước, là ông chủ trong khi chịu quả báo theo nghiệp đời trước*.—Các loài hữu-tình theo nghiệp mà thụ-sanh, đã có sanh thì có tử, đã có tử thì có sanh, sanh tử nối liền không dứt. Sau khi chết rồi, sáu thức trước không hiện-hạnh nên không còn phân - biệt được nữa, duy có đệ-bát-thức tương-tục bất-đoạn mà thôi. Đệ-bát-thức rất mụi-lược, lánh là vô-phú vô-ký, không biết nhớ xét, không biết lựa chọn, chỉ theo nghiệp-lực mà thụ-sanh. Nghiệp-lực tức là cái sức của các chủng-tử đã được huân-tập, nên đủ sức đủ duyên mà sanh ra tự-quả. Các chủng-tử ấy nhóm lại mà làm cái quả chơn-dị-thực 眞異熟. Bát-thức theo cái quả chơn-dị-thực ấy mà thụ-sanh về cõi này hay cõi khác. Như thụ-sanh về nghiệp người, bát-thức bắt đầu chấp-hộ cái tinh-huyết làm thân, khiến cho cái tinh-huyết lần lần chuyển biến ra thân người, rồi lần lần các thức trước mới hiện-hạnh. Đến khi chết, do nghiệp - lực đã hết, các thức trước đều diệt, rồi bát-thức mới bỏ cái căn-thân không chấp-thọ nữa; từ ấy cái căn-thân mới lần lần tan rã. Do bát-thức có cái nghĩa dị-thực ấy nên gọi bát-thức là tổng-báo-chủ. Dị-thực có ba nghĩa:

a) *Dị thời 異辰 nhi thực*.— Trước làm nhưn huân-tập bát-thức mà về sau mới có quả nên gọi là dị thời.

b) *Dị loại 異類 nhi thực*.— Là trong nhưn có thiện có ác mà cái quả nơi đệ-bát-thức chỉ là vô-ký nên gọi là dị-loại.

c) *Biến-dị* 變異 *nhi thực*. — Là trong chỗ luân-tập khi thì lành, khi thì dữ, chế biến cùng nhau mà sanh ra quả dị-thực, làm cho phải thụ-sanh về cõi này cõi khác.

Nói tóm lại, công-dụng của đệ-bát-thức rất rộng lớn, rất uyên thâm, không thể kể xiết; tất cả các pháp, từ vũ-trụ cho đến vi-trần đều do đệ-bát thức biến hiện ra cả.

不動地前縱捨藏

BAT ĐỘNG ĐỊA TIỀN TÀI XA TẠNG

(Bắt đầu đến bất động-địa, mới xả được cái tên tạng-thức).

Giải nghĩa. — Đệ-bát thức có nhiều tên, do có ngã-ái-chấp-tàng nên gọi là A-lại-da-thức; đến đệ-bát-bất-động-địa đã nhập được vô-lượng-vô-cộng-dụng-đạo thì đệ-thất-thức không còn chấp đệ-bát-thức làm ngã nữa, nên đệ-bát-thức bỏ cái tên A-lại-da và chỉ có cái tên là dị-thực-thức.

金剛道後異烹空

KIM CANG ĐẠO HẬU DỊ THỰC KHÔNG

(Sau khi nhập Kim-cang-đạo rồi thì không dị-thực-thức)

Giải nghĩa. — Từ bất-động-địa trở lên, thức ấy còn bị nghiệp-cảm của thế-gian, chưa thành vô-lậu nên gọi là dị-thực; đến Kim-Cang-đạo rồi, xả được các chủng-tử thiện và vô-ký của thế-gian, các hạ-liệt-vô-lậu-pháp, đoạn được tùy-miên của phiền-não-chướng và sở tri chướng, nên bỏ cái tên là dị-thực-thức

大圓無垢同時發

ĐẠI VIÊN VÔ CAU ĐỒNG THỜI PHÁT

普照十方塵刹中

PHỔ CHIẾU THẬP PHƯƠNG TRẦN SÁT TRUNG

(Đại-viên-kính-trí, vô-cấu-bạch-tịnh-thức đồng thời phát sanh, khắp soi trong mười phương Phật sát như số vi trần.)

Giảng nghĩa.— Đã xả được dị-thục-thức-chủng rồi thì đệ-bát-thức toàn là vô-lậu, nên gọi là vô-cấu-thức; thức ấy thường tương-ưng với đại-viên-kính-tri, chấp-trì hết thấy các chủng tử của các pháp hoàn toàn vô lậu mà biến hiện ra tự-thọ-dụng thân và tự-thọ-dụng độ. Đến địa vị này thì gọi là chuyển y, nghĩa là chỉ lấy đại-viên-kính-tri làm sở-y chớ không lấy dị-thục-thức làm sở-y.

Đại-viên-kính-tri hiện ra các sắc-tượng như bóng trong gương, soi thấu thập phương thế giới, tất cả tâm tánh sai khác của các loài hữu tình đều hiện ở trong tri ấy. Các đức Như Lai nương theo tri ấy mà thị hiện ứng hóa, thuyết pháp độ sanh tột đời vị-lai, công đức vô biên vô lượng.

Đến quả vị này, đệ-bát-thức không còn tánh vô-kỹ nữa, mà lại có cái tánh vô lậu-thuần-thiện, thường tương-ưng với năm món biến-hành, năm món biệť-cảnh và mười một món thiện-tâm-sở, thiết là cảnh-giới bất-tư-nghĩ, như trong Duy-thức-tam-thập-tụng đã nói: «Thử thị vô lậu giới, bất tư nghĩ thiện hường, an lạc giải thoát thân, đại-mâu-ni danh pháp».

VIÊN - ẨM

MỜI XUẤT BẢN

Chiêm Thành Lược Khảo

của bà HUỖNH-THỊ-BAO-HỎA soạn

có tựa của cụ PHẠM-QUỖNH thượng thư Bộ Giáo-dục HUẾ. Có bảy bức ảnh và một bức vẽ phụ bản in màu rất đẹp. Sách in, giấy trắng bouffant rất nhả — Giá 0\$30 trước thường 0\$06 (gởi bằng timbres poste cũng được).

Tổng phát hành :

ĐÔNG TÂY ÁN QUÁN — 193 — Phố Hàng Bông — HANOI



THI LÂM

Mừng An-Nam Phật-Học

Bề trần chìm nổi mấy thu rày,
Cũng muốn chôn mình với cỏ cây.
Trống rêu xa kèn lơ lửng dịp.
Đờn mà không phách ngăn ngo dây.
Ngọn đèn Phật-học trắng hồi tui,
Dùi mỏ Viên Âm sấm buổi mai.
Thuận gió xuôi buồm may mắn lạ,
Con thuyền Bát-nhả chóng hơn bay.

LỤC-VÂN ĐẠO-NHƠN

Mừng Chi-hội An-Nam Phật-Học trong Hàn

Giòng nước sông Hằng khéo chảy lan,
Vào Nam ra Bắc lại vô Hàn
Mượn nơi thành thị làm Tinh-xá,
Giữa chốn phồn hoa dựng pháp-đàn.

Đuốc-tuệ soi ngời miền Đại-hải,
Mây từ tỏa khắp núi Hành san.
Chỉ đường dẫn lối nhờ ơn Phật,
Sau trước cùng nhau tới Niệt-Bàn.

LÊ-MAI-ĐÌNH

Đêm rằm chơi chùa Tường-Vân

Tất thành mộ đạo đến Tường-Vân,
Ngày vọng hôm nay lại gặp tuần.
Ngào ngạt hương chùa thơm mấy dặm.
Rõ ràng sắc núi đẹp mười phân.
Gương lòng bụi sạch thấy không bận,
Cửa Phật trắng soi khách có phần.
Tựa gốc Bồ-Đề thêm mát mẻ,
Thương nơi bề khổ kẻ trăm luân.

* * *

Ở chùa cảm tác

Thân này không buộc cũng không ràng,
Phú quý mây kia đã chẳng màng.
Rửa sạch lòng trần nhờ nước pháp,
Nhìn xem cuộc thế tợ cờ bàn.
Cửa từ sáng có mùi hương đượm,
Bề khổ nghe không tiếng sóng vang.
Hai chữ Di-Đà thường niệm mãi,
Vô minh chợt tỉnh giấc kẻ vàng.

HOÀNG-BÍCH-HỒ

Cảm tác

Chìm đắm thương cho nỗi chúng sanh,
Người thời bán lợi kẻ mua danh.
Phong-trần đã trải bao trò kịch,
Vân-cầu rồi treo một bức tranh.

Ngán bầy kiếp mê sao lận bận,
Làm cho bể khổ lường linh đình.
Nhưng ai nghiệp chướng mà tiêu đặng,
Phước quả vô biên sẵn để dành.

HƯƠNG-DẪN (Trương-Sanh)

Tặng các vị Pháp-sư thuyết pháp tại giăng-đường Túy-Vân

Cách trở chi nài mấy dặm xa,
Tấm lòng hoàng-pháp biết bao là.
Sông Nhi rước khách êm đêm sóng,
Núi Túy chào người chúm chím hoa.
Ngóng cổ trông mong ngày Hội giăng,
Lóng tai nghe lọt giọng Tân-già.
Đã dành Phật-tử đầu cùng thế:
Bốn bề năm châu vẫn một nhà.

* * *

Tự thuật

Cửa Phật ra vào mấy lúc nay,
Mùi thuyến càng thắm lại càng say.
Tương chao ngày tháng chừng quen miệng,
Chuông mõ hôm mai bớt ngợ tay.
Xem báo Viên-Âm nhiều lời mới,
Nghe bài thuyết-pháp lắm câu hay.
Khuyến ai gắng sức lo tu học,
Phước quả về sau cũng tự đây.

Hải-Triều, Phụ-An Cư-sĩ

NGÔ-QUANG-VIỆM

Phương danh những độc giả Viên- Am trả tiền năm thứ hai

(Tiếp theo những kỳ trước)

Thanhhoa		Faifo	
M. Lê văn Xuân	2\$00	MM. Huỳnh ngọc Trác	3\$00
Vinh		Trần ái Như	2.00
M. Ưng Thái	2\$00	Mme Liễu	2.00
Mme Tôn thất Tụng	2.00	MM. Nguyễn Tường	2.00
Tourne		Nguyễn Thái	2.00
MM. Phạm văn Lương	1\$60	Lê Uyneh	2.00
Bồn Xăng	2.00	Quảng phát	2.00
Ngô khắc Tuấn	1.00	Đào đảng Khản	2.00
Hồ Thăng	2.00	Trần Nguyên	2.00
Tôn thất Sâm	2.00	Trần xuân Vinh	2.00
Nguyễn đức Ý	2.00	Lê ngọc Hoàn	2.00
Lê văn Nhân	1.00	Lê Trinh	2.00
Như Viên	2.00	Tôn thất Lân	2.00
Nguyễn hữu Tài	1.60	Châu mỹ Xuyên	2.00
Huỳnh Long	1.60	Kim Hưng	2.00
Ngô Dị	2.00	Huỳnh Sau	2.00
Ngô đức Nhuận	2.00	Vô Đồng	2.00
Nguyễn khoa Túc	2.00	Phạm Nhạn	1.50
Trần văn Điền	2.00	Lê Dừa	1.10
Quang Cự	2.00	Trần Nhạn	2.00
Lê trình Tông	2.00	Sinh Hiền	2.00
Phạm như Bích	2.00	Nguyễn khoa Sáu	2.00
Độc Uyển	2.00	Lý ngọc Trân	2.00
Hồ hữu Cương	2.00	Vưu hữu Đức	2.00
Trương đình Tảo dit		Trần vào Khế	2.00
Thoại	2.00	Trầm duy Trinh	2.00
Nguyễn văn Tùng dit		Quân thắng Sạn	2.00
Hội Tùng	2.00	Lê Vinh	2.00
Trần mạch Nho	2.00	Nguyễn thế Hiển	1.50
Hồ quang Hưng	2.00	Lâm ngọc Thành	2.00
Nguyễn xuân Đáng	2.00	Dương bá Quỳnh	2.60
Mme Lê thị Hương	2.00	Tam kỳ	
		Mme Độc Thịnh	2\$00

Quangngải		Saigon	
M.M. Thái duy Hoàn	2\$00	M. Phạm văn Kiêu	2\$00
Nguyễn thượng Lý	1.00	Giadinh	
Binhđinh		M. Phạm văn Ngụy (trả	
M. Phan ngọc Trân	2\$00	lần thứ hai	1\$00
Sôngcầu		Cholon	
M.M. Bùi hữu Thứ (trả năm		M.M. Huỳnh văn Mạnh	2\$00
thứ ba)	2\$00	Thái bình Dương	2.00
Nguyễn vĩnh Hoà	2.00	Baria	
Từ bộ chỉ	2.00	M. Phạm kim Chi	2\$00
Dalat		Běntre	
M.M. Nguyễn Xuyên	2\$00	M. Trương văn Đĩnh dit	
Võ Lâm	2.00	Huệ Biên	2\$00
Đào văn Ngà	2.00	Vinhlong	
Nguyễn Tụy	2.00	M. Nguyễn hữu Phú	2\$00
Nguyễn Mè	2.00	Châuđộc	
Nguyễn Châu	2.00	M.M. Trương tấn Vị (trả	
Nguyễn văn Khê	2.00	năm thứ ba)	2\$00
Nguyễn Mộc	2.00	Châu văn Tụng (trả	
Huỳnh Tinh	2.00	năm thứ hai	
Phanri		và thứ ba)	4.00
M.M. Lê văn Khải	2\$00	Soctrang	
Nguyễn văn An (trả		M. Lý đức Nguyễn	1\$00
năm thứ ba)	2.00	Mỹtho	
Phanhiết		M.M. Yết ma chùa Long	
M. Đỗ thiện Thăng	2\$00	Khánh	1\$00
Phan bá Thiên	2.00	Mai văn Linh (trả năm	
Hanoi		thứ hai và thứ ba)	4.00
M. Trần văn Tuyển	2\$00	Longxuyến	
Hưngyến		M. Lê văn Giai	2\$00
Phật Giáo thư Viện	1\$00	Vinhlong	
Namdinh		M. Nguyễn quyền Khiết	2\$00
M. Nguyễn chi Thành	4\$00		
Kratié (Cambodge)			
M. Nguyễn minh Lý	1\$00		

Cănthor		Rachgiá	
M.M. Hồ Tấn Phát (trả lần thứ hai)	1\$00	M.M. Nguyễn Văn Đồng (Hoà thượng chúa	
Kiều công Ký	2.00	Tam Bảo	2\$00
Sadec		Nguyễn thế Diệu	2.00
M. Huỳnh công Kiệt	2\$00		

Sách mới

Kim-Cang chư gia chủ giải

Chúng tôi vừa mới tiếp được mấy quyển kinh *Kim-Cang chư gia chủ giải* của hội Cao-Miên Phật-Giáo gửi tặng.

Kinh do các nhà Cư-sĩ ở tại Namvang hiệp lực cùng các ông Trụ-tri Hoàng-Thọ, sư Thiện-Cửu, và Đạo - Nhơn Trần-Thắng dịch nghĩa ra quốc-văn, in chữ to, rất rõ ràng, một bên diễn âm, một bên diễn nghĩa đối chiếu nhau, rất tiện bề đọc tụng.

Chúng tôi xin cảm tạ và giới-thiệu cùng chư độc - giả thiện-tín.

Muốn gởi kinh sách, tiền bạc hay hỏi han điều gì, xin đề cho :

Monsieur VÕ-THÀNH-HAY,
Staire ppal au Trésor à
Pnom-penh

DỰ CÁO KỶ SAU



Chơn Tăng-Già luận

Nhơn - Minh luận

**Lễ Lạc - Thành chùa Hội - quán « Annam
Phật Học Chi-Hội ở Đà-nẵng**

Ngày 12 và 13 tháng 11 năm Bính-tý
(25 & 26 Décembre 1936)

Chương-trình

Ngày 12 tháng 11 năm Bính-tý

- Buổi trưa :* 12 giờ. — Lễ Khai-quan diêm-nhũn tượng đức Thích-Ca Mâu-ni.
Buổi tối : 6 giờ. — Lễ An-vy Phật.
7 giờ. — Diễn-văn tiếng Pháp và tiếng Nam.
8 giờ. — Hát Đờng-Ấu.
9 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.
10 giờ. — Đốt pháo bông.

Ngày 13 tháng 11 năm Bính-tý

- Buổi mai :* 8 giờ. — Pháp-sư thuyết-pháp.
9 giờ đến 11 giờ. — Lễ Qui-Y và thuyết Tam-Quy Nã-giới.
Buổi chiều : 3 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.
4 giờ. — Ni-cô thuyết-pháp.
Buổi tối : 7 giờ. — Hát Đờng-Ấu.
8 giờ. — Chấn-tử.

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Huế

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH THẨM, Médecin Indochinois

Boite postale N° 73 — Huế

PHẬT-HỌC THIÊN-ĐÀM

Ông Tế Nam Liên-Khốt đã tái bản quyển « Phật học Thiên đàm », quyển ấy, tòa soạn chúng tôi đã duyệt-γ và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiên đàm » xin cứ gởi thơ cho Tòa soạn Viên-Âm, boîte postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiên đàm

}	1 quyển	0\$05
	10 quyển	0\$40